

THÔNG BÁO

Về niêm yết danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi và tài liệu phỏng vấn kiến thức chung, chuyên môn, nghiệp vụ trong xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện năm học 2018 - 2019

Thực hiện Kế hoạch số 11286/KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện năm học 2018 – 2019;

Nay Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi thông báo về việc công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển và tài liệu phỏng vấn kiến thức chung, chuyên môn, nghiệp vụ trong xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện năm học 2018 – 2019 như sau:

I. CÔNG BỐ DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Ủy ban nhân dân huyện công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện năm học 2018 – 2019 như sau:

- Tổng số thí sinh đủ điều kiện dự tuyển: 389 thí sinh, trong đó:
 - + Bậc Mầm non: 107 thí sinh (Đính kèm Biểu 01);
 - + Bậc Tiểu học: 137 thí sinh (Đính kèm Biểu 02);
 - + Bậc Trung học cơ sở: 144 thí sinh (Đính kèm Biểu 03);
 - + Đơn vị trực thuộc: 01 thí sinh (Đính kèm biểu số 04).
- Tổng số thí sinh không đủ điều kiện dự tuyển: 01 thí sinh, trong đó:
 - + Bậc Trung học cơ sở: 01 thí sinh (Đính kèm Biểu 05).

Lưu ý:

Thí sinh kiểm tra, rà soát thông tin cá nhân, điểm học tập, điểm tốt nghiệp và liên hệ Phòng Nội vụ huyện để điều chỉnh (nếu có). Thời gian điều chỉnh thông tin: từ ngày 22/11/2018 đến ngày 27/11/2018.

II. TÀI LIỆU KIẾN THỨC CHUNG, CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ TRONG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2018-2019

Để chuẩn bị tốt phần phỏng vấn kiến thức chung, phỏng vấn chuyên môn, nghiệp vụ, Ủy ban nhân dân huyện thông báo ứng viên đăng ký xét tuyển viên chức cần nghiên cứu tài liệu sau:

1. ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN

A. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG

1. Luật Viên chức - Luật số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;
2. Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 38/2005/QG11 ngày 25/11/2009;
3. Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;
4. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;
5. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đạo đức nhà giáo.

B. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN

1. Đối với giáo viên Mầm non

- 1.1. Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường mầm non;
- 1.2. Thông tư liên tịch số 06/2015/TTT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;
- 1.3. Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;
- 1.4. Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục mầm non; Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với giáo viên Tiểu học

- 2.1. Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học; Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 40, bổ sung Điều 40a của Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học;
- 2.2. Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ

thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2.3. Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

2.4. Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh tiểu học; Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh Tiểu học;

2.5. Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập.

3. Đối với giáo viên Trung học cơ sở

3.1. Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Trung học cơ sở, Trường Trung học phổ thông và Trường Phổ thông có nhiều cấp học;

3.2. Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

3.3. Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

3.4. Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT;

3.5. Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

C. PHẦN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG GIẢNG DẠY VÀ GIÁO DỤC

- Xử lý tình huống sư phạm;

- Trình bày cách giảng dạy, tiến trình lên lớp của một bài dạy hoặc một nội dung của bài dạy trong chương trình bậc học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở;

- Trả lời một số câu hỏi của giám khảo phỏng vấn (có liên quan đến nội dung ứng viên đã trình bày ở hai nội dung trên).

2. ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

A. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG

1. Luật Viên chức - Luật số 58/2010/QH12;
2. Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 25/11/2009;
3. Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ về quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;
4. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;
5. Thông tư liên tịch số 06/2015/TTT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;
6. Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;
7. Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;
8. Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL – BNV ngày 19/5/2015 của liên Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch – Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thư viện;
9. Thông tư số 24/2014/TT-BKHCN ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Khoa học và Công nghệ;
10. Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành Văn thư.

B. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN

Biết cách thiết lập, quản lý và sử dụng hệ thống hồ sơ, sổ sách và các quy định liên quan đến vị trí tuyển dụng:

1. Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông; Quyết định số 01/2004/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông;
2. Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học;

3. Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở;

4. Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về phòng học bộ môn.

III. HÌNH THỨC PHÒNG VẤN

1. Thí sinh bốc thăm đề và chuẩn bị nội dung trình bày vào trong phiếu chuẩn bị phỏng vấn: thời gian từ 08 – 10 phút;

2. Trình bày theo nội dung câu hỏi đã yêu cầu; trả lời các câu hỏi của giám khảo phỏng vấn (thời gian trình bày + trả lời câu hỏi tối đa 15 phút);

3. Nộp phiếu chuẩn bị phỏng vấn cho Tổ phỏng vấn;

***Lưu ý:** Ứng viên dự xét tuyển vị trí giáo viên được phép mang theo *sách giáo khoa theo cấp học mà thí sinh đăng ký dự tuyển*; ngoài ra, không được mang theo bất cứ tài liệu nào khi vào phòng dự xét tuyển.

Trên đây là Thông báo của Ủy ban nhân dân huyện về công bố danh sách đủ điều kiện dự tuyển và tài liệu phỏng vấn kiến thức chung, chuyên môn, nghiệp vụ trong xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện năm học 2018 – 2019 ./.*at*

Nơi nhận:

- TT. UBND huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (*đăng tải trên Cổng thông tin điện tử*);
- Phòng Nội vụ huyện ;
- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký;
- Lưu VT, PNV.2. ĐTTAn.10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thanh Hiền

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CỬ CHI NĂM HỌC 2018-2019
(Bậc Mầm non)

(Đính kèm Thông báo số: 15057/TB-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Tin học	Ngoại ngữ	Xếp loại tốt nghiệp															
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo																		
											6	7	8	9			10	11							
1	MN-49	Nguyễn Hoàng Như Huỳnh	20/11/1993	x	Giáo dục Mầm non	ĐH Sài Gòn	VLVH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN An Nhơn Tây	6,5	5,5	12	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 8, Ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi					
2	MN-95	Phan Nguyễn Bảo Ngân	02/05/1995	X	Sư phạm mầm non	Trường Đại học Trà Vinh	Chính quy	Giỏi	Anh A	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN An Nhơn Tây	8,1	16,2		Không	Ninh Bình	182/19 Ô 5 khu B, Thị trấn Hậu Nghĩa, Đức Hòa, Long An					
3	MN-103	Nguyễn Thị Xuân Diệu	26/08/1996	x	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương TPHCM	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN An Phú	7,29	6	13,3	Không	Ấp Xóm Thuộc, xã An Phú, huyện Củ Chi	Ấp Xóm Thuộc, xã An Phú, huyện Củ Chi					
4	MN-65	Nguyễn Hương Lan	24/06/1992	X	Sư phạm mầm non	Trường Trung cấp Hồng Hà	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Bình Mỹ	7	8,2	15,2	Không	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Tây	Thôn 5C, Eahiao, Eah'leo, Đăk Lăk					



STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ						Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học												
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo			Xếp loại tốt nghiệp											
5	MN-85	Mai Thị Thu Hà	13/09/1990	x	DH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	B	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Hòa Phú	6,85	6	12,9	Không	Xã Tân Phước, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Ấp 7, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi	
6	MN-07	Lê Hồng Nhi	01/09/1994	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường CĐ Bách Việt	Chính quy	Khá	TOE IC 295	B	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Hoàng Minh Đạo	7,2	7,3	14,5	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	367 ấp Phú Thuận, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi	
7	MN-06	Trần Thị Hồng Hòa	18/04/1996	X	CD	Giáo dục mầm non	CĐ Sư phạm TW thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Nhuận Đức	7,1	6	13,1	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ 3 ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức huyện Củ Chi	
8	MN-18	Hồ Thị Thanh Trúc	16/07/1995	X	DH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình khá	Anh B	A	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Nhuận Đức	6,94	7	13,9	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ 3 ấp Gia Bè, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi	
9	MN-70	Đặng Như Quỳnh	12/05/1992	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường Cao đẳng Bách Việt	Chính quy	Trung bình	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Nhuận Đức	6,2	5,3	11,5	Không	Nhuận Đức, Củ Chi, tp Hồ Chí Minh	Ấp Canh Lý, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi	
10	MN-55	Lê Thị Ngọc Quỳnh	05/10/1991	x	CD	Giáo dục mầm non	CĐ Sư phạm Trung ương TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phạm Văn Cội 1	7,39		14,8	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 28, Ấp 4, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi.	
11	MN-89	Trần Hoài Nghĩa	22/12/1995	x	TC	Sư phạm mầm non	Trường trung cấp Phương Nam	Chính quy	Khá	Anh A	A	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phạm Văn Cội 2	7,1	8,3	15,4	Không	Ấp 3, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi	Ấp 3, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ khác	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học												
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo															
12	MN-73	Thạch Thị Sa Vươn	16/08/1986	X	TC	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Trà Vinh	Chính quy	Giỏi	Anh A	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phạm Văn Cội 2	8,3	16,6	Không	Xã Hòa Ân, Cầu Kê, Tỉnh Trà Vinh	Số 1 đường 494 ấp 3 xã Phạm Văn Cội, huyện Cù Chi		
13	MN-98	Nguyễn Thị Thanh Thủy	27/08/1987	x	TC	Sư phạm mầm non	Trường Cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	VLVH	Trung bình - khá	Anh B	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phạm Văn Cội 2	6,8	5,8	12,6	Không	Áp 3, xã Phạm Văn Cội, huyện Cù Chi		
14	MN-102	Lý Thị Ngọc Tín	01/10/1984	x	ĐH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sư phạm TPHCM	VLVH	Khá	Anh B	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phạm Văn Cội 2	7,2	8,5	15,7	Không	ấp 3, xã Phạm Văn Cội, huyện Cù Chi		
15	MN-45	Phạm Thị Thùy Linh	20/06/1995	x	CD	Giáo dục mầm non	Trường cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	Vừa làm vừa học	Khá	Anh B	UDC NTT CB	Không		giáo viên mẫu giáo	Trường MN Phú Hòa Đông	7,43	7,2		Không	Áp Phú Hiệp, xã Phú Hòa Đông, huyện Cù Chi		
16	MN-04	Trần Thị Cẩm Nhung	01/06/1996	X	TC	Sư phạm mầm non	CĐ Sư phạm TW thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phú Hòa Đông	6,98	5,83	12,8	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	14 đường 442, ấp Bến Cò, xã Phú Hòa Đông, huyện Cù Chi	
17	MN-08	Đỗ Thị Mai Phương	14/09/1995	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường Trung cấp Việt Khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phú Hòa Đông	7,2	6,2	13,4	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	22/6D đường 464 Tổ 6 ấp An Hòa, xã Trung An, huyện Cù Chi	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ghi chú							
					Chuyên ngành	Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự									
						Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp					Tên VT/VL	Đơn vị								
18	MN-09	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	15/12/1989	X	CD	Sư phạm mầm non	Trường Cao đẳng Cần Thơ	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phú Hòa Đông	7,34	7,5	14,8	Không	Ngọc Thiên, Tân Yên, Bắc Giang	Tổ 2 ấp An Hòa xã Trung An huyện Củ Chi	
19	MN-46	Trình Thị Kim Ngân	07/08/1996	x	CD	Giáo dục mầm non	Trường cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	VL.VH	Khá	Anh B	UDC NTT CB	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phú Hòa Đông	7,54	6,4	13,9	Không	Ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi	Ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi	
20	MN-56	Ngô Thị Ngọc Mai	01/8/1995	x	CD	Giáo dục Mầm non	ĐH Sài Gòn	VL.VH	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phú Hòa Đông	7,24	7,5	14,7	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 9, Ấp Phú Hiệp, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi.	
21	MN-59	Lâm Đăng Kim Huệ	24/01/1991	x	ĐH	Giáo dục Mầm non	ĐH Sư phạm TPHCM	VL.VH	Trung bình khá	Anh B	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phú Hòa Đông	6,72	7	13,7	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 68, Ấp Chợ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi.	
22	MN-71	Nguyễn Thị Diễm Hương	30/08/1993	X	CD	Giáo dục mầm non	Đại học Tiền Giang	Chính quy	Trung bình	TOE IC 425	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phú Hòa Đông	6,98		14	Không	Gò Công Đông, Tiền Giang	134 tổ 74 ấp Cây Trâm, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	
23	MN-79	Nguyễn Tô Ngọc Phương	12/6/1990	x	TC	Sư phạm Mầm non	Trung cấp Đông Dương	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phú Hòa Đông	7,2	6,8	14	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 1, Ấp Phú Hiệp, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi.	
24	MN-81	Ngô Như Quỳnh	02/3/1997	x	CD	Giáo dục Mầm non	CD Sư phạm Trung ương TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phú Hòa Đông	6,71		13,4	Không	TPHCM	Tổ 4, Ấp Chợ Củ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác													
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo				Xếp loại tốt nghiệp												
					TC	Sư phạm mầm non																		
25	MN-38	Võ Thị Như Ngọc	30/12/1997	x	TC	Sư phạm mầm non	Trường trung cấp Phương Nam	Chính quy	Khá	B	UDC NTT CB	Không		Giáo viên mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	7,6	6,7	14,3	Không	Áp Bình Hạ Đông, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi	Áp Bình Hạ Đông, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi			
26	MN-90	Phan Thanh Hằng	07/09/1992	x	ĐH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học sư phạm TP HCM	Vừa làm vừa học	Trung bình - khá	Anh B	A	Không		Giáo viên mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	6,67	7,5	14,2	Không	Áp Đình, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi	Áp Đình, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi			
27	MN-02	Nguyễn Thị Phương Tuyền	07/08/1994	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường CĐ Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh A2	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	7,1	5,5	12,6	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	số 35/1A đường số 666, ấp Bàu Trầu, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi			
28	MN-29	Lâm Thị Huyền Trang	17/05/1987	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường CĐ Sư phạm Trung ương thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	7,44	5,5	12,9	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	11/20 đường 659 ấp Bàu Điều, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi			
29	MN-41	Ngô Thị Bích Ngọc	01/04/1981	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường cao đẳng sư phạm trung ương TP HCM	VLVH	Trung bình khá	Anh B	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	5,6	6,79	12,4	Không	Phan Chu Trinh, thành phố Huế, Thừa thiên Huế	Khu phố 1, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi			
30	MN-42	Lê Thị Thu Thủy	02/09/1993	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương TP HCM	Chính quy	Trung bình	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	6,42	12,8		Không	Xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, Bình Phước	Áp Mũi Côn Tiều, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi			

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ						Chuyên môn	Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đang ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú				
					Chuyên môn			Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp										Ngoại ngữ	Tin học								Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Tên VTVL	Đơn vị
31	MN-50	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	13/12/1995	x	CD	Giáo dục Mầm non	Trường CD Sư phạm Trung ương TPHCM	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không			Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	7,29	5,5	12,8	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 11, Ấp Phước Hưng, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi.										
32	MN-69	Hồ Trần Thanh Trâm	15/12/1996	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường DH Sài Gòn	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không			Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	7,54	8,5	16	Không	Củ Chi - TP.HCM	Số 2 đường 671 ấp Chợ xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi										
33	MN-84	Trần Thị Diệu Lý	04/10/1996	x	Trun g cấp	Sư phạm Mầm non	CD Bách Việt	Chính quy	Giỏi	Anh - B	B	Không			Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	7,6	8,3	15,9	Không	TPHCM	Tổ 6A, Ấp Bình Thướng 1, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi.										
34	MN-12	Nguyễn Thị Anh Thư	08/08/1996	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường CD Sư phạm trung tp Hồ Chí Minh	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không			Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	7,17	6,5	13,7	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	195A Lê Thị Nghi, ấp Phước An, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi										
35	MN-32	Trần Thị Cẩm Hồng	15/07/1995	X	DH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sài Gòn	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không			Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	7,4	8	15,4	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	553 ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi										
36	MN-33	Trần Thị Thanh Thùy	07/10/1992	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường CD Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không			Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Hiệp	6,99		14	Không	Cát Lâm, Phú Cát, Bình Định	193/5 Lê Thị Long, ấp Ba Sa, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi										

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học												
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường				Hệ đào tạo											
37	MN-40	Lê Cao Anh Thư	26/07/1995	x	CD	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT CB	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Phước Vĩnh An	7,26	5	12,3	Không	Áp 5, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	Áp 5, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	
38	MN-87	Lê Thị Kim Ngọc	07/04/1985	x	CD	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	Vừa làm vừa học	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân An Hội 1	7,37	6,2	13,6	Không	Áp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	Áp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	
39	MN-25	Nguyễn Thị Phương	01/10/1985	X	ĐH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân An Hội 1	7,61	8,5	16,1	Không	Đồng Thanh, Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình	Nhà N2.2.6 Khu chung cư Gia đình Bộ Đội Tò 12 áp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	
40	MN-35	Lê Ngọc Hạnh	19/07/1994	x	ĐH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học sư phạm TPHCM	VLVH	Trung bình - khá	Anh B	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân An Hội 1	6,96	8	15	Không	Áp 3, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	Áp 3, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	
41	MN-82	Nguyễn Thị Trang	22/4/1984	x	ĐH	Giáo dục Mầm non	ĐH Sư phạm TPHCM	VLVH	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân An Hội 1	7,51	7,5	15	Không	Số 10, Ngõ Sĩ Liên, Thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	Số 10, Ngõ Sĩ Liên, Thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	
42	MN-92	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	19/02/1995	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường CĐ Sư phạm Long An	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân An Hội 1	6,87	6,5	13,4	Không	Áp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An	Áp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An	
43	MN-88	Lê Thị Ánh Nguyệt	10/01/1991	x	ĐH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sư phạm Huế	Vừa làm vừa học	Giỏi	Anh B1	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Phú Trung 1	8,07	7,4	15,5	Không	Triệu Long - Triệu Phong - Quảng Trị	Triệu Long - Triệu Phong - Quảng Trị	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vấn bằng, Chứng chỉ										Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú	
					Chuyên ngành	Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự									
						Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp					Tên VTVL	Đơn vị								
44	MN-03	Đặng Thị Tuyết Nhung	06/06/1996	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường CD Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Phú Trung 1	7	5,5	12,5	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	34/6 Tổ 9 ấp Bàu Sím, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	
45	MN-20	Ngô Thị Thúy Quỳnh	08/01/1993	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Phú Trung 1	7,45		14,9	Không	Đức Linh, Bình Thuận	81A Tỉnh lộ 2 ấp Đình xã Tân Phú Trung huyện Củ Chi	
46	MN-54	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/4/1997	x	TC	Sư phạm Mầm non	Trung cấp Việt Khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh A	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Phú Trung 1	6,9	6,5	13,4	Không	Hà Nội	Tổ 19, Ấp Đình, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi.	
47	MN-61	Trần Thị Kim Chi	05/01/1997	x	TC	Sư phạm Mầm non	Trung cấp Việt Khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh A	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Phú Trung 1	6,9	5,7	12,6	Không	Cù Chi - TP.HCM	Tổ 16, Ấp Đình, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi.	
48	MN-67	Nguyễn Thị Huyền Trân	31/07/1995	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Phú Trung 1	6,86	5	11,9	Không	Cù Chi - TP.HCM	206 đường Hồ Văn Tấn, ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi	
49	MN-72	Tô Thị Mỹ Duyên	02/12/1995	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường Trung cấp Tổng hợp Hà Nội	Chính quy	Khá	Anh B	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Phú Trung 1	7,2	7	14,2	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Ấp Lăng Cát, xã Tân Phú Trung huyện Củ Chi	
50	MN-78	Nguyễn Thị Tuyết Mai	10/01/1997	x	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CD Sư phạm Trung ương TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Phú Trung 1	7,12		14,2	Không	Cù Chi - TP.HCM	Tổ 14, Ấp Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi.	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ khác	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học												
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo															
51	MN-83	Võ Thị Ngọc Loan	13/5/1995	x	Cử nhân Giáo dục Mầm non	ĐH Sài Gòn	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Phú Trung 1	7,9	8	15,9	Không	TPHCM	Tổ 6, Ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi.			
52	MN-48	Đặng Thị Kim Phụng	02/07/1991	X	CĐ Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh	Chính quy	Khá	Anh A2	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Phú Trung 2	7,48	7,67	15,2	Không	Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh	23/2A tổ 13 ấp Giữa, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi			
53	MN-01	Phạm Thị Kim Ngân	21/08/1995	X	CĐ Giáo dục mầm non	Trường CĐ Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thạnh Đông	7,23	6	13,2	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Đường Nguyễn Kim Cương, ấp 9 xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi			
54	MN-14	Ngô Thị Thu Hiền	04/03/1997	X	CĐ Giáo dục mầm non	Trường CĐ Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thạnh Đông	6,62	13,2	13,2	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	476/18 ấp 3A xã Tân Thạnh Đông huyện Củ Chi			
55	MN-15	Hồ Ngọc Loan Phụng	28/10/1996	X	Sư phạm mầm non	Trường CĐ Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thạnh Đông								7,21	5,8
56	MN-24	Đỗ Thị Ngọc Thảo	29/01/1986	X	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh B	B	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thạnh Đông	7,06	8,5	15,6	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	142 Nguyễn Kim Cương, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi			

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bản, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp													
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo						Xếp loại tốt nghiệp												
57	TH-34	Lê Thị Thùy Trang	14/11/1980	x	TC	Sư phạm mầm non	Trường Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Tây Nam Á	Khá	Anh B	B	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thành Đông	7,4	7,5	14,9	Không	Ấp 8, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi	Ấp 8, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi						
58	MN-39	Nguyễn Thị Thanh Thảo	05/01/1996	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường Trung cấp bách khoa TP HCM	Khá	Anh B	B	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thành Đông	7,8	7,7	15,5	Không	Ấp 1, xã Tân Thành Tây, huyện Củ Chi	Ấp Hội Thành, xã Trung An, huyện Củ Chi						
59	MN-47	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06/09/1996	X	CB	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương TP HCM	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thành Đông	6,89	5	11,9	Không	Ấp 3B, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi	Ấp 3B, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi						
60	MN-57	Nguyễn Thị Kim Tuyền	05/02/1998	x	TC	Sư phạm Mầm non	Trung cấp Đông Dương	Khá	Anh B	B	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thành Đông	7,7	7,8	15,5	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 2, Ấp 4A, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi.						
61	MN-60	Võ Thùy Tiên	29/9/1996	x	DH	Giáo dục Mầm non	DH Sư phạm TP HCM	Giỏi	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thành Đông	7,84	15,7	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 10, Ấp 7A, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi.							
62	MN-64	Lương Thị Cẩm Nguyên	31/10/1993	x	CB	Giáo dục Mầm non	Trường DH Thủ Dầu Một	Khá	Anh A	A	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thành Đông	7,13	14,3	Không	Bình Dương	Tổ 7, ấp 4, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi							
63	MN-66	Thanh Hồng Lan	05/05/1993	X	DH	Giáo dục mầm non	Trường DH Sư phạm TP HCM	Trung bình khá	Anh B	B	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thành Đông	6,93	8,5	15,4	Không	Củ Chi - TP.HCM	306, ấp 2, xã Tân Thành Tây, huyện Củ Chi						

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chức vụ NVSP	Ngoại ngữ khác	Điểm tập học	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn					Tin học													
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ		Tin học											
64	MN-77	Nguyễn Thị Hoài Thi	28/04/1997	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường Trung cấp Việt Khoa	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thạnh Đông	8	7	15	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	28/9 đường 156 tổ 9 ấp 6A, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi		
65	MN-80	Lê Thị Anh Thư	05/05/1994	x	Trun g cấp	Sư phạm Mầm non	Trường cấp Phương Nam	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thạnh Đông	7,2	7	14,2	Không	Cù Chi - TP.HCM	Tổ 19, Ấp Phú Mỹ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi.		
66	MN-91	Nguyễn Thị Lộc	17/12/1991	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường Cao đẳng sư phạm Thừa Thiên Huế	Chính quy	Giỏi	Anh B	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thạnh Đông	8,2	8,5	16,7	Không	Xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	59/2 Nguyễn Anh Thủ, Bà Điểm, Hóc Môn		
67	MN-97	Nguyễn Thị Vân	02/06/1995	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thạnh Đông	7,5	7,2	14,7	Không	Xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế		
68	MN-23	Võ Thị Thùy Dương	19/04/1995	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thạnh Tây	7,82		15,6	Không	Tây Ninh	3/18/4 ấp Thạnh An, xã Trung An huyện Củ Chi		
69	MN-26	Nguyễn Thị Phụng Hằng	22/02/1994	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường CĐ Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thạnh Tây	7,18	6,7	13,9	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	1200 Tỉnh lộ 15 Ấp Thạnh An, xã Trung An, huyện Củ Chi		

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học											
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Tốt nghiệp trường															
70	MN-27	Nguyễn Thị Hồng Thắm	23/03/1997	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường CD Sư phạm Trung ương tốp Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Tây	7,18	6,8	14	Không	Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	127/2A Tỉnh lộ 15, Tổ 5 ấp 1A xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi	
71	MN-37	Nguyễn Thị Hoài Thương	30/11/1997	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường Trung cấp Đổng Dương	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Nhà trẻ	Trường MN Tân Tây	6,9	6,5	13,4	Không	Ấp 6, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	Ấp 6, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	
72	MN-43	Trần Thị Thanh Thủy	27/05/1996	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT CB	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Tây	7,4	7,4	14,8	Không	Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi	Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi	
73	MN-51	Vũ Thị Phương	06/6/1993	x	CD	Giáo dục Mầm non	CD Sư phạm Trung ương TPHCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Tây	6,83	6,5	13,3	Không	Hải Dương	Tổ 6, Ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi.	
74	MN-62	Đỗ Thị Yêu	14/6/1986	x	DH	Giáo dục Mầm non	DH Sư phạm TPHCM	VL VH	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Tây	7,35	7,5	14,9	Không	Vĩnh Phúc	513/32/3 Trương Công Định, Phường 7, Tp Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	
75	MN-58	Võ Kim Tuyền	10/9/1992	x	CD	Giáo dục Mầm non	CD Sư phạm Trung ương TPHCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Hội 1	6,95	5,5	12,5	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 2, Ấp Hậu, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi.	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học													
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo			Xếp loại tốt nghiệp												
76	MN-100	Đặng Thị Minh Hiếu	14/04/1993	x	GDục mầm non	Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương TPHCM	Vừa làm vừa học	Trung bình - khá	Anh B	A	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 1	6,81	7	13,8	Không	Áp 6, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	Áp 6, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi				
77	MN-104	Võ Thị Hồng Duyên	18/02/1995	X	GDục mầm non	Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương TPHCM	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 1	7,26	6	13,3	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	318/3 đường Nguyễn Thị Lăng, ấp 1 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi				
78	MN-86	Nguyễn Thị Hiệp	08/11/1995	x	giáo dục mầm non	Trường Đại học Sài Gòn	Vừa làm vừa học	Trung bình - khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 2	6,89	5,5		Không	Áp Xóm Trại, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	Áp Xóm Trại, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi				
79	MN-21	Trần Nguyễn Phương Trân	26/01/1996	X	Giáo dục mầm non	CĐ Sư phạm TW thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 2	7,08	6	13,1	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	93 đường Cây Bài, ấp 6 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi				
80	MN-52	Lê Thị Vê	27/4/1995	x	Giáo dục Mầm non	CĐ Sư phạm Trung ương TPHCM	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 2	7,17	6,5	13,7	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 2, Ấp Trung Việt, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi.				
81	MN-68	Bùi Ngọc Kiều Vân	15/11/1997	X	Sư phạm mầm non	Trường Trung cấp Việt Khoa	Chính quy	Khá	Anh A	A	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 2	8,1	7,5	15,6	Không	Củ Chi - TP.HCM	46/27/1 Đường số 26, hẻm 46 ấp Thượng xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ						Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Tên VT/VL			Đơn vị								
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo							Xếp loại tốt nghiệp							
82	MN-105	Nguyễn Trúc Mai	30/06/1994	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương TPHCM	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 2	7,44	6,5	13,9	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 26 đường 28 tổ 4, ấp Hậu, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	
83	MN-19	Nguyễn Thị Thanh Phú	11/09/1996	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 3	7,57		15,1	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	33 Nguyễn Thị Se, ấp Bàu Sím, xã Tân Thông Hội huyện Củ Chi	
84	TH-74	Nguyễn Thị Toàn Thắng	28/10/1995	X	DH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sài Gòn	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 3							
85	MN-76	Nguyễn Thị Kim Thủy	20/04/1990	X	DH	Giáo dục mầm non	Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT nâng cao	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 3	6,81	7	13,8	Không	Đông Nai	50/1 đường 92 ấp Bến Dò 1, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi	
86	MN-93	Võ Thị Kiều Oanh	23/08/1997	X	TC	Sư phạm mầm non	Trường trung cấp Đông Dương	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 3	7,5	7	14,5	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 208 tổ 8, đường Lê Minh Nhựt, ấp Trung, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	
87	MN-16	Nguyễn Thị Thùy Duyên	07/11/1993	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường CD Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình khá	Anh B	A	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 4	6,77	7	13,8	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	19/33/17D Tổ 4 ấp Tiên xã Tân Thông Hội huyện Củ Chi	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học											
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo														
88	MN-17	Nguyễn Thị Kim Thương	18/10/1994	X	GDục mầm non	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 4	7,23	14,5	Không	Áp Tân Hưng, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang	4 Đường Giồng Cát, Tổ 1, Ấp Chợ xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi			
89	MN-28	Huỳnh Thị Ngọc Hậu	14/01/1995	X	Sư phạm mầm non	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình khá	Anh B	B	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 4	6,8	14,8	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	số 34 đường Đào Văn Thùr ấp Xóm Chùa, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi			
90	MN-75	Trần Thị Thanh Giang	07/09/1996	X	GDục mầm non	Trường ĐH Sài Gòn	VLVH	Giỏi	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tân Thông Hội 4	8,42	17,4	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	36a, đường 355 ấp Xóm Huế, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi			
91	MN-11	Nguyễn Huyền Trân	29/11/1993	X	GDục mầm non	Trường CĐ Sư phạm trung ương tp Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tây Bắc	7,14	14,1	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	796 Tổ 8, Khu phố 8 Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi			
92	MN-13	Phạm Hồng Trang	02/04/1995	X	GDục mầm non	Trường CĐ Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không		Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tây Bắc	7,57	15,1	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	625 đường Nguyễn Thị Rành, ấp Ngã Tư, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi			

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tina học													
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo						Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ			Tina học								
93	MN-22	Tạ Thị Kim Loan	13/12/1993	X	DH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình khá	Anh B	A	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tây Bắc	6,63	7,5	14,1	Không	Nghệ An	77/1 Nguyễn Văn Ní Thị trấn Cù Chi huyện Cù Chi					
94	MN-31	Võ Thị Kim Phụng	30/09/1989	X	DH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tây Bắc	7,22	7,5	14,7	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 17B đường 414, tổ 9A, ấp 3 xã Phước Vĩnh An, huyện Cù Chi					
95	MN-53	Nguyễn Thị Ánh Linh	12/10/1993	x	DH	Giáo dục Mầm non	DH Sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình khá	Anh A	A	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tây Bắc	6,69	6,5	13,2	Không	Cù Chi - TP.HCM	Tổ 8A, Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội, huyện Cù Chi.					
96	MN-94	Phan Thị Huyền	10/10/1995	X	DH	Giáo dục mầm non	Trường DH Hà Tĩnh	Chính quy	Khá	Anh B1	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tây Bắc	7,43		14,9	Không	Xã Hương Thủy, Hương Khê, Hà Tĩnh	Nguyễn Văn Ní, Tổ 7 khu phố 7 thị trấn Cù Chi, huyện Cù Chi					
97	MN-99	Trần Thanh Tuyền	08/07/1995	x	TC	Sư phạm mầm non	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tây Bắc	7,2	7	14,2	Không	Ấp Xóm Chùa, xã Tân An Hội, huyện Cù Chi	Ấp Xóm Chùa, xã Tân An Hội, huyện Cù Chi					
98	MN-106	Đinh Thị Hương	24/03/1994	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương TPHCM	Chính quy	Khá	Toeic c 300	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tây Bắc	6,8		13,6	Không	Ngọc Thu, Gia Tường, Nhò Quan, Ninh Bình	Số 70/3 đường 364 ấp Mũi Lớn 2, xã Tân An Hội, huyện Cù Chi					

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ khác	Điểm tập học	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú	
					Chuyên môn				Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm đăng ký dự										
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp			Tên VTVL										Đơn vị
99	MN-107	Nguyễn Ngọc Anh Thư	18/12/1993	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương TPHCM	VLVH	Khá	Anh B	B	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Tây Bắc	7,2	5	12,2	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố 6, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi	
100	MN-05	Lý Lan	02/04/1993	X	CD	Giáo dục mầm non	CD Sư phạm TW thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Thị trấn Củ Chi 2	6,77	5	11,8	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 10 đường Phạm Hữu Tâm, Khu phố 3, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi	
101	MN-63	Lê Thị Kim Chi	22/01/1994	x	ĐH	Giáo dục Mầm non	ĐH Sư phạm TPHCM	VLVH	Khá	Anh B	B	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Thị trấn Củ Chi 2	7,19	8,5	15,7	Không	Củ Chi - TP.HCM	Tổ 5, ấp Xóm Huế, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	
102	MN-101	Nguyễn Mai Gia Hân	05/08/1997	x	CD	giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không	giáo viên mẫu giáo	Trường MN Trung Lập Hạ	6,84	5	13,7	Không	Ấp Chợ Củ, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	Ấp Chợ Củ, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	
103	MN-10	Nguyễn Thị Thủy Kiều	12/11/1995	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường CD Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Trung Lập Hạ	7,18						

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ						Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tín học	Tên VTVL			Đơn vị								
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo							Xếp loại tốt nghiệp							
104	MN-30	Nguyễn Thị Hồng Đào	29/11/1996	X	CD	Giáo dục mầm non	Trường CD Sư phạm Trung ương tp Hồ Chí Minh	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Trung Lập Hạ	7,02	6	13	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	số 27 đường 588 ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi	
105	MN-36	Phạm Thị Ngọc Sang	15/04/1981	x	DH	Giáo dục mầm non	Trường Đại học sư phạm TPHCM	VL VH	Khá	Anh B	B	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Trung Lập Hạ	7,15	8	15,2	Không	Ấp Văn Hàn, xã Trung Lập Thượng	Ấp Văn Hàn, xã Trung Lập Thượng	
106	MN-44	Nguyễn Thùy Duyên	23/09/1996	x	CD	Giáo dục mầm non	Trường cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT CB	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Trung Lập Hạ	7,23		14,5	Không	Ấp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi	Ấp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi	
107	MN-96	Nguyễn Thị Bích Như	21/04/1996	x	CD	Giáo dục mầm non	Trường Cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Không	Giáo viên Mẫu giáo	Trường MN Trung Lập Hạ	6,86	5	11,9	Không	Ấp Ràng, Xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi	Ấp Ràng, Xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi	

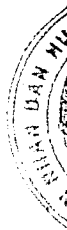
DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CỬ CHI NĂM HỌC 2018-2019
(Bậc Tiểu học)

(Đính kèm Thông báo số: 4505/TB-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vi trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học														
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Giáo viên thể dục (bậc trung học cơ sở)																	
												Tên VTVL	Đơn vị												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
1	TH-128	Phạm Lê Đăng Kiệt	06/03/1994			Giáo dục thể chất	Trường Đại học Thể dục thể thao TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	B		X	Giáo viên thể dục (bậc trung học cơ sở)	Trường TH - THCS Tân Trung	7,03	14,06	Không	Không	Áp 9, xã Tân Thanh Đông, huyện Củ Chi	Áp 9, xã Tân Thanh Đông, huyện Củ Chi				
2	TH-15	Đỗ Thanh Xuân	17/08/1996	X		Giáo dục Tiểu học	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH An Nhơn Đông	7,8	15,6	Không	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	Số 33 hẻm 531 ấp Canh Lý, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi				
3	TH-22	Nguyễn Minh Trí	13/10/1995			Giáo dục thể chất	Trường đại học sư phạm thể dục thể thao TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT nâng cao			Giáo viên thể dục	Trường TH An Nhơn Đông	8,05	8,7	16,1	Không	Áp Xóm Chùa, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	Áp Xóm Chùa, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi				
4	TH-25	Nguyễn Minh Nguyễn	27/10/1994	X		Sư phạm Tiếng Anh	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình Khá		B	Tiếng Hoa cấp 1		Giáo viên Tiếng Anh	Trường TH An Nhơn Đông	6,82		13,64	Không	Quảng Nam	430 Ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi				
5	TH-63	Võ Thị Cẩm Hương	04/07/1986	X		Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH An Nhơn Đông	6,29	5	11,29	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Áp Xóm Trại, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đang ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Tên VTVL	Đơn vị											
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo							Xếp loại tốt nghiệp								
	TH-136	Phạm Thị Ngọc Mai	21/10/1994	X	ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình khá	Anh B	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH An Nhơn Đông	6,75	6,5	13,25	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ 3, ấp Xóm Mới, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi		
	TH-64	Phan Thanh Tâm	12/08/1986	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình Khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH An Phú 2	6,31	5	11,31	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 6A, đường 802 ấp Phú Bình, An Phú, huyện Củ Chi		
	TH-80	Mai Trúc Phương	21/7/1990	x	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	A		Giáo viên Âm nhạc	Trường TH An Phú 2	6,38	5	11,38	Không	TPHCM	Tổ 1, ấp An Bình, xã An Phú, huyện Củ Chi, TPHCM		
	TH-81	Phạm Ngọc Minh Đăng	16/02/1990	x	CD	Sư phạm Âm nhạc	CD Sư phạm Trung ương TP HCM	VL VH	Khá	Anh B	UDC NTT năng cao		Giáo viên Âm nhạc	Trường TH An Phú 2	7,76	8	15,76	Không	TPHCM	Tổ 5, ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TPHCM		
	TH-71	Lê Thị Thanh Thủy	07/01/1981	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình khá	Anh B	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH An Phước	6,63	5,5	12,13	Không	Quảng Nam	Ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi		
	TH-104	Nguyễn Minh Phước	25/03/1975		ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học Đà Nẵng	Học từ xa	Trung bình - khá	Anh B	Trung cấp công nghệ thông tin		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bình Mỹ 2	6,69		13,38	Không	Ấp 5, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi	Ấp 5, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi		

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học													
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường			Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp											
12	TH-45	Trần Thị Hồng Thắm	23/06/1994	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TP HCM	VLVH	Trung bình Khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bình Mỹ 2	6,74	5,5	12,24	Không	Xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh	11/3A đường 231 tổ 7 ấp 2 xã Hòa Phú, huyện Củ Chi	
13	TH-58	Phan Thanh Hiền	14/06/1989	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình Khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bình Mỹ 2	6,3	5,5	11,8	Không	Củ Chi - TPHCM	13B ấp An Hòa, xã An Sơn, huyện Thuận An, Bình Dương	
14	TH-60	Trần Thế Vy	08/10/1988	X	CD	Giáo dục Tiểu học	Đại học Thủ Dầu Một	VLVH	Khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bình Mỹ 2	7,19		14,38	Không	Bến Cát, Bình Dương	2072/3 Tổ 2 ấp 2, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi	
15	TH-92	Cao Thị Liễu	25/9/1995	x	CD	Giáo dục Tiểu học	ĐH Quảng Bình	Chính quy	Khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bình Mỹ 2	7,9		15,08	Không	Quảng Bình	Thôn Quang, Thượng Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	
16	TH-96	Nguyễn Phương Thảo	19/10/1988	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Thủ Dầu Một	Chính quy	Khá	Anh A	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bình Mỹ 2	7,68		15,36	Không	Bình Dương	79, CMT8, Khu 5, Phường Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương	
17	TH-110	Hồ Thị Yến Nhi	28/09/1988	X	ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Khá	Anh A2	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bình Mỹ 2	7,61		15,22	Không	Ấp 2, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi	Ấp 2, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi	
18	TH-98	Nguyễn Thị Thúy Hồng	22/12/1994	x	ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học Phú Yên	VLVH	giỏi	Anh B	B			giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Hòa Phú	8,09	8	16,09	Không	Huyện Krông pác, tỉnh Đắk Lắk	Huyện Krông pác, tỉnh Đắk Lắk	



STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ						Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên ngành	Chuyên môn		Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học											
						Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo														
19	TH-16	Nguyễn Thị Thanh	09/09/1995	X	CD	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Khá	Anh B2	A	Tiếng Hoa cấp 2	Giáo viên Tiếng Anh	Trường TH Hòa Phú	7,62		15,24	Không	Bắc Giang	24 ấp 4 xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	
20	TH-33	Nguyễn Thị Ngọc Hà	08/8/1994	x	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TP HCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Hòa Phú	6,48	5,5	11,98	Không	Cù Chi - TPHCM	Tổ 5, Ấp 4, xã Hòa Phú, huyện Cù Chi, TPHCM	
21	TH-48	Phạm Kim Tiên	06/07/1992	X	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TP HCM	VL VH	Khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Hòa Phú	7,17	5,5	12,67	Không	Xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh	22A, đường 225, ấp 2 xã Hòa Phú, huyện Củ Chi	
22	TH-121	Nguyễn Thị Quế Trâm	06/12/1988	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình	Anh B	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Hòa Phú	5,85	5	10,85	Không	Đông Thành, Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	6/7 ấp 1, xã Đông Thành, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	
23	TH-107	Lê Thị Ngọc Huyền	03/02/1994	x	DH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình - khá	Anh B	UDC NTT cơ bản		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Thị Pha	6,31	6	12,31	Không	Ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	Ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	
24	TH-07	Nguyễn Thị Bích Ngọc	28/07/1990	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình - Khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Thị Pha	6,53	5,5	12,03	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	29 đường 9A Ấp Hậu, xã Tân Thông Hội huyện Củ Chi	
25	TH-14	Nguyễn Thị Như Ý	10/06/1995	X	CD	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Đồng Tháp	Chính quy	Trung bình	Anh B1	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Thị Pha	6,98		13,96	Không	Tỉnh Long An	127 Tân Hòa, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Tin học																
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																	
										Ngoại ngữ															
26	TH-37	Lê Thị Kim Thi	25/3/1995	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Thủ Dầu Một	VLVH	Trung bình khá	Anh B	B				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Thị Pha	6,87		13,74	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 9, Ấp Xóm Huế, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TPHCM			
27	TH-12	Nguyễn Thị Minh Thư	03/11/1993	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình - Khá	Anh B	A				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Văn Thế	6,31	5	11,31	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	số 06 đường 354 Tổ 6 ấp Tam Tân, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi			
28	TH-24	Nguyễn Thị Luận	03/08/1995	X	CD	Sư phạm giáo dục tiểu học	Trường Cao đẳng Hải Dương	Chính quy	Giỏi	Anh A2	B				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Văn Thế	8,25	8	16,25	Không	Xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh			
29	TH-31	Thái Hồng Diễm	31/7/1990	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TP HCM	VLVH	Khá	Anh B	B				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Văn Thế	7,08	7	14,08	Không	Bình Chánh - TPHCM	Tổ 5, Ấp 4, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TPHCM			
30	TH-34	Nguyễn Ngọc Phương Hào	23/3/1996	x	CD	Giáo dục Tiểu học	CD Sư phạm Long An	Chính quy	Khá	Anh B	A				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Văn Thế	7,63		15,26	Không	Long An	Ấp Đức Ngải 1, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An			
31	TH-55	Phan Thị Mai Hương	04/10/1996	X	CD	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sài Gòn	VLVH	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Văn Thế	7	7	14	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 5, ấp Lão Táo Trung, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi			
32	TH-120	Nguyễn Ái Nhi	05/05/1990	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình khá	Anh B	B				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Văn Thế	6,57	5,5	12,07	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	597/7 Nguyễn Thị Ranch, Ngã Tư, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi			

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ						Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đội tuyển ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú	
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học													
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo			Xếp loại tốt nghiệp												
33	TH-122	Nguyễn Thị Thơm	12/06/1993	X	CD	Giáo dục Tiểu học	Trường ĐH Hà Tĩnh	Chính quy	Khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Văn Thế		6,98	13,96	Không	Xã Đức Giang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	433A, khu phố Miếu Ba, thị trấn Cẩm Thanh, huyện Cẩm Giơ		
34	TH-133	Bùi Thị Ngọc Trâm	21/11/1994	x	DH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học Sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình - khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Văn Thế		6,64	5	11,64	Không	Ấp Lào Tảo Trung, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi	Ấp Lào Tảo Trung, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi	
35	TH-115	Lê Thị Thúy Hà	11/06/1995	x	CD	Sư phạm tiếng Anh	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Khá	CB, B1 (Anh)	A	Tiếng Trung (cấp 2)	Giáo viên tiếng Anh	Trường TH Liên Minh Công Nông		7,63	15,26	Không	Khu phố 1, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi	Khu phố 1, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi		
36	TH-11	Nguyễn Thị Hải Yến	23/12/1989	X	DH	Sư phạm Tiếng Anh	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	Chính quy	Khá	Anh C1	B	B Tiếng Hàn	Giáo viên Tiếng Anh	Trường TH Liên Minh Công Nông		7,42	14,84	Không	Quảng Trị	195 Đường Kênh Đông, ấp Bàu Tre 1 xã Tân An Hội, huyện Củ Chi		
37	TH-61	Lê Thị Cẩm Duyên	26/10/1994	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Liên Minh Công Nông		6,85	5,5	12,35	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 20 đường 376, Ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	
38	TH-38	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	14/5/1996	x	CD	Giáo dục Tiểu học	DH Sài Gòn	VL VH	Khá	Anh B	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Nguyễn Văn Lịch		7,32	8	15,32	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 2A, Ấp Hậu, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	
39	TH-78	Cù Thị Thủy Vân	30/10/1993	x	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Nguyễn Văn Lịch		6,27	5,5	11,77	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 3, Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi,	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học														
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo																
										Xếp loại tốt nghiệp													
40	TH-105	Phan Thị Minh Ván	09/09/1993	x	CE	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	Chính quy	Khá	Anh B	B	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	7,19	7,5	14,69	Không	Xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi				
41	TH-108	Phạm Thị Ngọc Mai	25/09/1994	x	X	Sư phạm âm nhạc	Trường Cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	VLVH	Trung bình - khá	Anh B	B	Giáo viên âm nhạc	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	6,91	6	12,91	Không	Áp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	Áp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi				
42	TH-32	Phùng Thị Thủy Tiên	09/5/1993	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TP HCM	VLVH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Nhuận Đức	6,22	6	12,22	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 5, Ấp Phú Thuận, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, TPHCM				
43	TH-77	Lê Thị Cẩm Giang	06/01/1992	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TP HCM	VLVH	Trung bình khá	Anh B	A	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Nhuận Đức	6,49	5,5	11,99	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 8, ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TPHCM				
44	TH-106	Tô Thị Hằng Nga	02/08/1996	x	CE	Sư phạm tiếng Anh	Trường Cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B1	UDC NTT cơ bản	Giáo viên tiếng Anh	Trường TH Nhuận Đức	7,39		14,78	Không	Áp Bàu Cạp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi	Áp Bàu Cạp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ					Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đội tuyển ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú	
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học												
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo					Xếp loại tốt nghiệp									
45	TH-130	Phan Hồng Nhung	04/01/1993	x	CD	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học Sài Gòn	VL VH	Trung bình - khá	Anh B	A		giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Nhuận Đức	6,77	7	13,77	Không	Ấp Bến Mương, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	Ấp Bến Mương, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	
46	TH-09	Võ Ngọc Hoàng Yến	09/09/1994	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình - Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phạm Văn Cội	6,58	6	12,58	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	42 đường Nguyễn Thị Tiếp Tổ 2 ấp Tây xã Tân An Hội huyện Củ Chi	
47	TH-26	Nguyễn Thị Thanh Nhi	29/10/1993	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình - Khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phạm Văn Cội	6,19	5	11,19	Không	Xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	288/1 Tỉnh lộ 7, ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh	
48	TH-84	Lê Thị Thanh Thảo	22/01/1981	x	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	B		Giáo viên nhiều môn	Trường TH Phạm Văn Cội	6,58	5,5	12,08	Không	TPHCM	Tổ 1, Ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TPHCM	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn					Ngoại ngữ	Tin học													
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Giáo viên dạy nhiều môn															
												Đơn vị	Tên VTVL											
														Điểm học tập			Điểm tốt nghiệp							
49	TH-99	Lữ Tuyết Huê	01/08/1996	x	CD	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Giỏi	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phạm Văn Cội	8,2	16,4	Không	Áp Bến Cỏ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	Áp Bến Cỏ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi					
50	TH-19	Lê Thanh Gia	11/04/1993	x	ĐH	Trường Đại học sư phạm TPHCM	VLVH	Trung bình - khá	Anh B	UDC NTT B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phú Hòa Đông 2	6,27	12,54	Không	Áp Phú Mỹ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	Áp Phú Mỹ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi					
51	TH-20	Lê Thanh Thanh	11/04/1993	x	ĐH	Trường Đại học sư phạm TPHCM	VLVH	Trung bình - khá	Anh B	UDC NTT B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phú Hòa Đông 2	6,2	12,4	Không	Áp Phú Mỹ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	Áp Phú Mỹ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi					
52	TH-112	Phan Bích Trâm	12/04/1996	x	CD	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình - khá	Anh B1	A	Tiếng Hán (bậc 2)		Giáo viên tiếng Anh	Trường TH Phú Hòa Đông 2	6,76	13,52	Không	Áp Phú trung, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	Áp Phú trung, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi					
53	TH-134	Ngô Thị Thu Hiền	13/02/1995	x	CD	Trường Đại học Đồng Tháp	Chính quy	Khá	Anh A2	UDC NTT cơ bản			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	7,6	15,2	Không	Xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An					
54	TH-10	Nguyễn Thị Tuyết Mai	04/12/1997	X	CD	Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	7,66	15,32	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	382, Tỉnh lộ 7, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi					

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Tin học		Tên VT/VL	Đơn vị											
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ					Tin học								
55	TH-27	Nguyễn Minh Tân	05/8/1993		DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TP HCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	6,19	5	11,19	Không	Cù Chi - TPHCM	Tổ 2, Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội, huyện Cù Chi, TPHCM.	
56	TH-30	Trần Hoài Linh	14/10/1988		DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TP HCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	A			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	6,32	6	12,32	Không	Cù Chi - TPHCM	Tổ 9, Ấp Cây Trôm, xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, TPHCM	
57	TH-42	Trần Nguyễn Lan Nhi	06/12/1994	x	CD	Sư phạm Âm nhạc	CD Sư phạm Trung TP HCM	VL VH	Khá	Anh B	B			Giáo viên Âm nhạc	Trường TH Phước Hiệp	7,08	7,5	14,58	Không	Cù Chi - TPHCM	Tổ 1, Ấp Xóm Huế, xã Tân An Hội, huyện Cù Chi, TPHCM	
58	TH-44	Nguyễn Thị Ngọc Phúc	1996	X	CD	Giáo dục Tiểu học	CD Sư phạm Long An	Chính quy	Trung bình Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	6,82	5,5	12,32	Không	Đức Hòa, Long An	Ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	
59	TH-50	Nguyễn Thị Phương Nguyễn	29/09/1996	X	CD	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng Sư phạm Long An	Chính quy	Khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	7,29	6,5	13,79	Không	Ấp Gò Sao, xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Ấp Gò Sao, xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	
60	TH-62	Nguyễn Hồng Thái	20/02/1996		CD	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Khá		A	Tiếng Hoa HSK1		Giáo viên Tiếng Anh	Trường TH Phước Hiệp	7		14	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	275B Quốc lộ 22, tổ 1 ấp Mũi Cồn Tiều, xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự			Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Vi trí việc làm đăng ký dự														
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp			Tên VTVL	Đơn vị													
61	TH-70	Phạm Thị Hồng Nhiên	23/03/1996	X	CD	Giáo dục Tiểu học	Trường Cao đẳng Sư phạm Long An	Chính quy	Khá	Anh B	B	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	7,28		14,56	Không	Tân Thạnh, Long An	43,ấp Nguyễn Sơn, xã Nhơn Hòa Lập, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An						
62	TH-79	Nguyễn Thị Mộng Thành	03/11/1996	x	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	ĐH Đồng Tháp	Chính quy	Khá	Anh A2	UDC NTT Cơ bản	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	7,13		14,26	Không	Bến Tre	Tân Quới Đông B, Minh Đức, Mỏ Cày Nam, Bến Tre						
63	TH-95	Phạm Thị Ngọc Ánh	12/12/1997	x	CD	Giáo dục Tiểu học	CD Sư phạm Đắk Lắk	Chính quy	Khá	Anh A2	UDC NTT Cơ bản	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	7,26		14,52	Không	Thái Bình	220, Thôn 3, xã Ea M'ngang, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk						
64	TH-109	Hoàng Thị Duyên	24/10/1978	x	ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học sư phạm TPHCM	VLVH	Trung bình - khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	6,67	5,5	12,17	Không	Xã Yên Lộc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Áp Tiên, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi						
65	TH-127	Phạm Thị Ngọc Hằng	08/03/1995	x	CD	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học Đồng Tháp	Chính quy	Khá	Anh A2	B	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	7,62		15,24	Không	Xã Mỹ Thạnh, huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre	Xã Mỹ Thạnh, huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre						
66	TH-131	Đỗ Thị Như Giàu	01/09/1995	x	ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Phước Hiệp	7,07		14,14	Không	Xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	Xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh						

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên ngành	Chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Tên VTVL	Đơn vị							
						Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo													
67	TH-52	Nguyễn Thị Hồng Phúc	06/12/1990	X	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TP HCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	B			6,58	7	13,58	Không	Củ Chi - TPHCM	749 Tỉnh lộ 7, Phước An, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi	
68	TH-72	Trần Thị Huyền	08/01/1900	X	DH	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	Trường DH Khoa học xã hội và nhân văn	VL VH	Trung bình khá	Anh B	B			6,5	5,5	13	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 02 đường 701 ấp Mỹ Khánh A, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi	
69	TH-13	Nguyễn Mai Ngân	21/03/1996	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Khá	Anh A2	B			7,7		15,4	Không	Bình Dương	109/4A Đường 416 ấp 5 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	
70	TH-21	Nguyễn Thị Diệu Linh	08/11/1991	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình - khá	Anh B	A			6,52	5,5	13,04	Không	Ấp Ba Sòng, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	Ấp Ba Sòng, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi	
71	TH-47	Nguyễn Thị Như Phương	27/09/1987	X	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TP HCM	VL VH	Trung bình	Anh B	A			5,9	5	10,9	Không	Củ Chi - TPHCM	54 đường 36, ấp Thưởng, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	
72	TH-68	Võ Thị Phương Trâm	25/11/1985	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			6,38	5	12,76	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	738 Tỉnh lộ 8 ấp 4 xã Phước Vĩnh An	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Chi chú
					Chuyên môn				Tin học													
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học											
73	TH-91	Phan Thị Lý Huệ	15/8/1991	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TPHCM	VLVH	Trung bình khá	Anh B	B			Giáo viên nhiều môn	Trường TH Phước Vĩnh An	6,91	6,5	13,41	Không	Cù Chi - TPHCM	74 Nguyễn Viết Xuân, Khu phố 3, Thị trấn Cù Chi, huyện Cù Chi	
74	TH-118	Lê Thị Thảo	13/05/1994	X	CD	Sư phạm Tiếng Anh	Trường ĐH An Giang	Chính quy	Trung bình	Anh bậc 3/6 (B1)	A	Tiếng Pháp B		Giáo viên Tiếng Anh	Trường TH Phước Vĩnh An	6,42	12,84	14,7	Không	Mỹ Lương, Chợ Mới, An Giang	243 Nguyễn Văn Kha, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Cù Chi	
75	TH-53	Nguyễn Thị Loan	04/07/1993	X	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	Chính quy	Khá	Anh B	B			Giáo viên Mỹ thuật	Trường TH Tân Phú	7,35			Không	Tùng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	810/4C Tỉnh lộ 15, ấp 12 Tân Thạnh Đông, huyện Cù Chi	
76	TH-59	Nguyễn Thị Tường Vy	12/08/1985	X	CD	Sư phạm Mỹ thuật	Cao đẳng Sư phạm Long An	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Mỹ thuật	Trường TH Tân Phú	7,62	8	15,62	Không	Thanh Đức, Bến Lức, Long An	Áp 6, xã Thanh Đức, huyện Bến Lức tỉnh Long An	
77	TH-114	Nguyễn Nữ Tố Tâm	06/02/1990	X	ĐH	Công nghệ thông tin	Trường Đại học sư phạm TPHCM	Chính quy	Trung bình - khá	Anh B	ĐH	X		Giáo viên môn tin học	Trường TH Tân Phú	6,86	6	12,86	Không	Xã Đại An, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn	
78	TH-29	Hồ Yến Nhi	13/3/1994	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TP HCM	VLVH	Trung bình khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Phú	6,19	5	11,19	Không	Cù Chi - TPHCM	Tổ 2, Ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Cù Chi, TPHCM.	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ					Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú		
					Chuyên ngành	Chuyên môn		Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ			Tin học	Tên VTVL								Đơn vị	
						Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo															
79	TH-40	Trần Thị Tuyết Nhung	04/6/1974	x	DH	Sư phạm Giáo dục Tiểu học	DH Huế	Từ xa	Trung bình	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Phú	5,97	6	11,97	Không	Vĩnh Phúc	Khu phố 3, Phường Phước Mỹ, Tp Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	
80	TH-82	Nguyễn Hồng Lan Phương	01/5/1991	x	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TPHCM	VLVH	Trung bình khá	Anh B	B			Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Phú	6,03	5	11,03	Không	TPHCM	Tổ 1, Ấp Tiên, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, TPHCM	
81	TH-101	Phạm Hồng Ngọc	02/05/1994	x	CD	giáo dục tiểu học	Trường Đại học Sài Gòn	VLVH	Trung bình - khá	Anh B	A			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Phú Trung	6,34	7	13,34	Không	Ấp Tiên, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	Ấp Tiên, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	
82	TH-102	Đỗ Nguyễn Minh Thuận	04/01/1995		CD	giáo dục tiểu học	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Phú Trung	6,91		13,82	Không	Ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	Ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	
83	TH-28	Nguyễn Thị Kim Tuyền	01/7/1996	x	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Phú Trung	7,75		15,5	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 5, Ấp Đình, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TPHCM.	
84	TH-39	Nguyễn Thị Kim Linh	04/5/1995	x	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TP HCM	VLVH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Phú Trung	6,83	6	12,83	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 10, Ấp Trung, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, TPHCM	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vi trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học																
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo																		
										Xếp loại tốt nghiệp															
85	TH-41	Phạm Hồng Vân	24/12/1991	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TP HCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	B				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Phú Trung	6,58	5	11,58	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 3, Ấp Tiên, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, TPHCM			
86	TH-43	Phạm Minh Trung	12/11/1997		CĐ	Giáo dục Tiểu học	ĐH Đồng Tháp	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Phú Trung	7,18		14,36	Không	Long An	Ấp An Hòa, xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.			
87	TH-87	Bùi Duy Linh	15/02/1996	x	CĐ	Giáo dục Tiểu học	ĐH Đồng Tháp	Chính quy	Khá	Anh A2	UDC NTT Cơ bản				Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Phú Trung	7,4		14,8	Không	Tháp Mười, Đồng Tháp	776TK, ấp 2, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.			
88	TH-94	Nguyễn Thị Ngọc Châu	23/3/1992	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản				Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Phú Trung	6,65	6,5	13,15	Không	Hóc Môn, TPHCM	55/5, Tổ 11, Khu phố 2, Thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, TPHCM.			
89	TH-132	Nguyễn Thị Liễu	04/07/1982	x	ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học Sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình - khá	Anh B	A				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Phú Trung	6,67	7	13,67	Không	Ấp Hậu, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	Ấp Hậu, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi			
90	TH-36	Hồ Phương Thảo	26/01/1995	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm HCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Tiến	6,33		12,66	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 4, Ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TPHCM			



STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Vị trí việc làm đăng ký dự				Đổi tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú					
					Chuyên ngành	Chuyên môn		Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Đơn vị										
						Tốt nghiệp trường								Tên VT/VL	Điểm học tập					Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm			
91	TH- 137	Hồ Thị Mông Kim	17/07/1995	x	ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học sư phạm TPHCM		VL VH	Trung bình - khá	Anh B	UDCNT T cơ bản				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Tiến	6,06	5,5	11,56		Ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	Ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	
92	TH- 119	Đỗ Tuấn Anh	11/03/1995		ĐH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh		VL VH	Trung bình khá	Anh B	B				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Tiến	6,28	5,5	11,78	Không	Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	20/4A Tổ 58 Khu phố 6, Thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn	
93	TH- 17	Phan Hà Yến Nhi	02/08/1988	x	ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học sư phạm TPHCM		VL VH	Trung bình - khá	Anh B	B				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thành	6,23	5	11,23	Không	Quảng Đông - Trung quốc	ấp Tây, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	
94	TH- 69	Nguyễn Thị Kim Chi	25/08/1981	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh		VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thành	6,46	5	12,92	Không	Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ 4, Khu phố 1 Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi	
95	TH- 88	Bùi Thị Linh Châu	31/10/1997	x	CD	Giáo dục Tiểu học	ĐH Đồng Tháp		Chính quy	Trung bình	Anh A2	UDC NTT Cơ bản				Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Thành	6,87		13,74	Không	Tháp Mười, Đồng Tháp	776TK, ấp 2, xã Tân Kiêu, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	
96	TH- 90	Nguyễn Thị Hương	25/5/1993	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Thủ Dầu Một		VL VH	Trung bình khá	Tiếng Hoa - B	UDC NTT Cơ bản				Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Thành	6,75		13,5	Không	Hải Dương	A17/4 Khu phố Bình Thuận 2, Thuận Giao, Bình Dương	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vi trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Chú chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Tên VTVL	Đơn vị											
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo						Xếp loại tốt nghiệp										
97	TH-05	Phan Thị Ngọc Huyền	12/01/1989	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình - Khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thạnh Đông	6,64	6	12,64	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ 4, ấp 10 xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi				
98	TH-06	Nguyễn Thị Cẩm Giang	13/07/1995	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sài Gòn	VLVH	Khá	Anh B	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thạnh Đông	7,41	6,5	13,91	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ 1 Ấp 6A xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi				
99	TH-46	Nguyễn Văn Ngo	03/04/1990		CD	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học Hà Tĩnh	Chính quy	Trung bình Khá		B	Sơ cấp Tiếng Trung	Giáo viên Tiếng Anh	Trường TH Tân Thạnh Đông 2	6,26	7,33	13,59	Không	Thuận Thiên, Can Lộc, Hà Tĩnh	Tổ 7, ấp Hóa Nhứt, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thuận An, Bình Dương				
100	TH-74	Trần Thị Hồng Đào	08/09/1991	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình khá	Anh B	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thạnh Đông 2	6,79	5,5	13,58	Không	Xã Thới Tâm Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	183E Đường Nguyễn Kim Cương, ấp 8 xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi				
101	TH-111	Bùi Thị Hoa	10/10/1990	x	ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học sư phạm TPHCM	Chính quy	Trung bình - khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thạnh Đông 2	6,19	5	11,19	Không	Xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Ấp 7, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi				
102	TH-117	Nguyễn Thị Hồng Nho	04/09/1992	X	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Trường Đại học Sài Gòn	VLVH	Trung bình		A	Tiếng Pháp B	Giáo viên Tiếng Anh	Trường TH Tân Thạnh Đông 2	5,91	5,5	11,41	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Ấp 8, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi				



STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ					Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú	
					Chuyên ngành	Chuyên môn			Ngoại ngữ			Tin học									
						Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp													
103	TH-123	Phan Nguyễn Kim Ngân	04/07/1984	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VL.VH	Trung bình khá	Anh B	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thành Đông 2	6,92	6	12,92	Không	Phường 14, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh	Số 255 Tỉnh lộ 15, ấp Phú An, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	
104	TH-125	Trần Thị Tuyết Nhung	29/08/1986	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VL.VH	Trung bình khá	Anh B	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thành Đông 2	6,28	5	11,28	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	222/7 Ấp 3, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi	
105	TH-126	Nguyễn Thị Hoa Lý	30/07/1984	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VL.VH	Trung bình khá	Anh A	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thành Đông 2	6,29	5,5	11,79	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 5 đường 419, ấp 6 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	
106	TH-02	Phạm Đỗ Ngọc Thi	22/09/1994	e	DH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VL.VH	Trung bình - Khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thành Đông 3	6,32	5	11,32	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	103/10D ấp 9 xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi	
107	TH-129	Lương Long Hồ	09/02/1992		CD	giáo dục thể chất	Trường Đại học sư phạm thể dục thể thao TPHCM	Chính quy	Trung bình	Anh B	A		Giáo viên thể dục	Trường TH Tân Thành Đông 3	6,89		13,78	Không	Châu Thành-Sóc Trăng	ấp 5, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi	
108	TH-100	Trần Tuấn Kiệt	22/01/1995		DH	Sư phạm Mỹ thuật	Trường Đại học Sài Gòn	VL.VH	khá	Anh B	B		Giáo viên Mỹ thuật	Trường TH Tân Thành Tây	7,16	6,5	13,66	Không	Xã Bình Tịnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An	Xã Bình Tịnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Tên VTVL	Đơn vị												
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																
109	TH-01	Phan Trung Kiên	32/12/1984		ĐH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình - Khá	Anh B	B				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thạnh Tây	6,45	5	11,45	Thành phố Hồ Chí Minh	12/4 Đường 28B Tỉnh lộ 8, tổ 3, ấp 3 xã Tân Thạnh Tây, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh			
110	TH-67	Lê Hoa Ngọc Trân	17/01/1996	\	CD	Giáo dục Tiểu học	Trường Cao đẳng Sư phạm Long An	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	B				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thạnh Tây	6,93	6,67	13,6	Đức Hòa, Long An	Áp Bàu Trai, xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, Long An			
111	TH-73	Nguyễn Thị Ngọc Lan	29/07/1993	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình khá	Anh B	B				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thạnh Tây	6,57	5,5	13,14	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Áp Thạnh An, xã Trung An, huyện Củ Chi			
112	TH-75	Đoàn Thị Trúc Mai	24/07/1984	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình khá	Anh B	A				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thạnh Tây	6,39	5,5	12,78	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ 1, ấp 3A xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi			
113	TH-135	Phạm Thị Mỹ Thoa	02/08/1995	X	ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT nâng cao				Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thạnh Tây	7,78		15,56	Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Lâm Quý, Lâm Sơn, Ninh Sơn, Ninh Thuận			



STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vấn hàng, Chứng chỉ						Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đội tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên ngành	Chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tên VTVL			Đơn vị								
						Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo							Xếp loại tốt nghiệp							
114	TH-124	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	13/07/1988	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Trường DH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT nâng cao		Đào tạo chức danh Tổng phụ trách đội	Trường TH Tân Thông	6,5	5,5	12	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Ấp Xóm Huế, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	
115	TH-49	Nguyễn Thị Hồng Vân	31/08/1995	X	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TP HCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thông Hội	6,53	5,5	12,03	Không	Xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh	14, đường 380 ấp Bàu Tre, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	
116	TH-93	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	05/4/1985	x	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TPHCM	VL VH	Trung bình khá	Anh B	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Tân Thông Hội	6,45	5,5	11,95	Không	Cù Chi - TPHCM	Tổ 5, Ấp Tiên, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, TPHCM	
117	TH-18	Võ Lê Yến Như	28/03/1997	x	CD	Giáo dục tiểu học	Trường Đại học Sài Gòn	VL VH	Trung bình - khá	Anh B	UDC NTTc cơ bản		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Thái Mỹ	6,43	5,5	11,93	Không	Ấp Mỹ Khánh A, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi	Ấp Mỹ Khánh A, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi	
118	TH-08	Hồng Quang Nghĩa Trường	21/11/1994		CD	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sài Gòn	VL VH	Trung bình - Khá	Anh B	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Thái Mỹ	6,34	7,5	13,84	Không	Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	21 Nguyễn Thị Mỹ, ấp Mỹ Khánh A, xã Thái Mỹ huyện Củ Chi	
119	TH-51	Nguyễn Thị Kim Thi	16/07/1994	X	CD	Sư phạm Tiếng Anh	Cao đẳng Sư phạm Long An	Chính quy	Trung bình khá	Anh Bậc 4/6 (B2)	B	Trưởng THPT	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Thái Mỹ	6,3	6	12,3	Không	Ấp Gò Sao, xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Ấp Gò Sao, xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ		Tin học		Ngoại ngữ khác	Tên VTVL		Đơn vị								
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học														
120	TH-03	Nguyễn Phương Hồng Thủy	18/07/1991	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình - Khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH -THCS Tân Trung	6,3	5	11,3	Không	Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	99 Tỉnh lộ 8, ấp 1A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi				
121	TH-04	Nguyễn Thị Thanh Thủy	16/11/1994	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình - Khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH -THCS Tân Trung	6,43	5,5	11,93	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	245A Tỉnh lộ 8, Ấp 2A xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi				
122	TH-23	Trần Lễ Tuyền	24/06/1996		ĐH	Giáo dục tiểu học	Trường đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B, B1	A		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH -THCS Tân Trung	7,77		15,54	Không	Ấp 7, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi	Ấp 7, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi				
123	TH-35	Đào Trúc Nguyễn	12/3/1989	x	ĐH	Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TP HCM	VLVH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT cơ bản		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH -THCS Tân Trung	6,41	5,5	11,91	Không	TP.HCM	25/6, Khu phố 8, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TPHCM				
124	TH-54	Lê Thị Bích Phương	05/08/1996	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Khá	Anh bậc 2 (A2)	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH -THCS Tân Trung	7,79		15,58	Không	Bình Phước	Khu phố 2, phường Long Phước, Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước				
125	TH-56	Nguyễn Thị Diễm My	25/01/1990	X	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Đại học Sư phạm tp Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình Khá	Anh B	B		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH -THCS Tân Trung	6,67	6	12,67	Không	Củ Chi - TPHCM	Ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bản, Chứng chỉ										Ghi chú							
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự			Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp					Tên VTVL	Đơn vị								
126	TH-57	Đặng Hoàng Minh	06/11/1992		DH	Giáo dục thể chất	Trường Đại học Thể dục thể thao TP Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản		X	Giáo viên thể dục	Trường TH -THCS Tân Trung	7,19		14,38	Không	Ấp Phú Tân, Ninh Quới, Hồng Dân, Bạc Liêu	48A, tổ 3 đường 386 ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, Củ Chi	
127	TH-65	Nguyễn Thị Hồng Dương	09/08/1992	X	CD	Sư phạm Âm nhạc	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP Hồ Chí Minh	VLVH	Giỏi	Anh B	B			Giáo viên Âm nhạc	Trường TH -THCS Tân Trung	8	8,5	16,5	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	số 664B ấp 4 Thới lộ 8 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	
128	TH-85	Lê Văn Thọ	21/01/1989		DH	Giáo dục thể chất	DH Sư phạm TDDT Hà Nội	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	B			Giáo viên Thể dục	Trường TH -THCS Tân Trung	6,71		13,42	Không	Hà Nam	Tường Thuy 1, Trác Văn, Duy Tiên, Hà Nam	
129	TH-113	Đào Thanh Dương	10/08/1994		DH	giáo dục tiểu học	Trường Đại học sư phạm TPHCM	VLVH	Trung bình - khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH -THCS Tân Trung	6,23	5,5	11,73	Không	Ấp 3A, xã Tân Thành Tây, huyện Củ Chi	Ấp 3A, xã Tân Thành Tây, huyện Củ Chi	
130	TH-89	Nguyễn Thanh Thủy	07/4/1990	x	DH	Giáo dục Tiểu học	DH Sư phạm TPHCM	VLVH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên nhiều môn	Trường TH Thị trấn Củ Chi	6,56	5,5	12,06	Không	Củ Chi -TPHCM	Tổ 64, Ấp Phú Lợi, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, TPHCM	
131	TH-116	Phan Huỳnh Hải Yến	10/06/1995	X	DH	Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Thị trấn Củ Chi	7,11	5,5	12,61	Không	Xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi	29A, Đường 47 ấp Trền, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ						Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Vị trí việc làm đăng ký dự											
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo			Xếp loại tốt nghiệp			Đơn vị								
														Tên VTVL							
132	TH-66	Hồ Ngọc Bích	26/11/1994	X	ĐH Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Trung bình khá	Toeic 415	Chứng chỉ MOS			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Thị trấn Củ Chi 2	6,15	5,5	11,65	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 49 đường Nguyễn Thị Sáng khu phố 7 Thị trấn Củ Chi huyện Củ Chi	
133	TH-103	Lê Thị Thanh Nhân	07/08/1994	x	ĐH giáo dục tiểu học	Trường Đại học sư phạm TPHCM	VLVH	Trung bình - khá	Anh B	B			Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Trần Văn Châm	6,55	5	11,55	Không	Áp Xóm Huế, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	Áp Xóm Huế, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	
134	TH-76	Phạm Thanh Thiện	20/07/1993		CE Sư phạm Tiếng Anh	CE Sư phạm Trung ương TP HCM	Chính quy	Trung bình		B	B-Tiếng Pháp		Giáo viên Tiếng Anh	Trường TH Trần Văn Châm	6,63		13,26	Không	Tây Ninh	50 Lý Thị Trưng, ấp Phú Bình, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	
135	TH-86	Đàm Huỳnh Hoa Hạ	03/12/1995	x	CE Sư phạm Âm nhạc	CE Sư phạm Trung ương TP HCM	VLVH	Khá	Anh B	B			Giáo viên Âm nhạc	Trường TH Trần Văn Châm	7,51	7,5	15,01	Không	Củ Chi - TPHCM	2/3 Nguyễn Văn Ni, Tổ 7, Khu Phố 7, huyện Củ Chi, TPHCM	
136	TH-83	Nguyễn Quốc Huy Nam	19/4/1994		ĐH Giáo dục Tiểu học	ĐH Sư phạm TPHCM	VLVH	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên nhiều môn	Trường TH Trung An	6,07	5,5	11,57	Không	TPHCM	Tổ 53, Ấp Phú Lợi, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, TPHCM	
137	TH-97	Nguyễn Hồ Huệ Trinh	29/8/1995	x	CE Sư phạm Âm nhạc	CE Sư phạm Trung ương TP HCM	VLVH	Khá	Anh B	B			Giáo viên Âm nhạc	Trường TH Trung An	7,73	6,5	14,23	Không	Củ Chi - TPHCM	107/2, Ấp Chợ, xã Trung An, huyện Củ Chi, TPHCM	

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CỬ CHÌ NĂM HỌC 2018-2019
(Bậc Trung học cơ sở)

(Đính kèm Thông báo số: 15057/TB-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Đơn vị	Điểm học tập										
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp															
1	THCS- 82	Lê Thị Ngọc Bé	06/6/1996	x	Cao đẳng	Sư phạm Sinh học	ĐH Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình khá	A			Giáo viên Sinh	Trường THPTCS Tân Trung	6,63	13,26	Không	Tây Ninh	Tổ 8, ấp 3 thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước				
2	THCS- 02	Tăng Hải Kiều Nhi	12/11/1994	X	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học tp Hồ Chí Minh	Chính quy	Trung bình khá	UDC NTT cơ bản	Tiếng Trung B	X	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS An Nhơn Tây	6,28	12,56	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ 1 ấp Xóm Trại, xã An Nhơn Tây huyện Củ Chi				
3	THCS- 24	Nguyễn Thanh Bình	09/11/1994		ĐH	Sư phạm Sinh học	ĐH Sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	B			Giáo viên Sinh	Trường THCS An Nhơn Tây	6,98	13,96	Không	Nghệ An	Thôn 3, xã Ea Pil, huyện M'đrăk, Tỉnh Đắk Lắk.				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Điểm tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Tên VTVL	Đơn vị													
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
4	THCS-26	Nguyễn Thị Thùy Loan	31/7/1979	x	CD	Kỹ thuật nữ công - Hóa	CD Sư phạm TPHCM	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	B			Giáo viên KTNC	Trường THCS An Nhơn Tây	6,28	6	12,28	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 2, Khu phố 6, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.				
5	THCS-18	Phạm Phương Huyền	12/05/1995	x	DH	Sư phạm Vật lý	Trường Đại học sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B1	UDC NTT nâng cao			Giáo viên Vật lý	Trường THCS An Phú	6,99		13,98	Không	Ấp 6, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi	Ấp 6, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi				
6	THCS-27	Nguyễn Huỳnh Trúc Linh	20/10/1991	x	DH	Sư phạm Vật lý	DH Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Lý	Trường THCS An Phú	7,02		14,04	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 10, Ấp Xóm Thước, xã An Phú, huyện Củ Chi, TP HCM				
7	THCS-99	Nguyễn Văn Vũ	13/11/1993		DH	Sư phạm toán học	Trường Đại học sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên môn Toán	Trường THCS An Phú	6,86		13,72	Không	Xã An Phú, huyện Củ Chi	Xã An Phú, huyện Củ Chi				
8	THCS-124	Thập Nữ Hương Ly	10/05/1991	X	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Vật lý	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh			Anh bậc 3/6 (B1)	B			Giáo viên Lý	Trường THCS An Phú	7,53		15,06	Không	Xuân Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận	351A Lạc Long Quân, phường 3, Quận 11				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ chỉ NVSP	Vị trí việc làm đang ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Tin học	Ngoại ngữ	Xếp loại tốt nghiệp														
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
9	THCS 15	Phạm Văn Thông	02/09/1983		ĐH	Sư phạm Toán học	Trường Đại học Sư phạm Huế	Chính quy	Trung bình - Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản					Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	6,05	12,1	Không	Thanh Hóa	506/72 đường Trần Quang Cơ, Phường Hiệp Thành, Quận 12			
10	THCS 16	Hồ Quang Huy	20/09/1980		ĐH	Sư phạm Toán học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	VLVH	Khá	Anh B	Cử nhân Khoa học ngành Tin học					Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	6,92	13,84	Không	Hà Nội	103/10 ấp 3 xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh			
11	THCS 30	Bùi Thị Kim Tuyền	09/08/1995	X	CD	Sư phạm Toán học	ĐH Đồng Tháp	Chính quy	Trung bình	Anh - A2	UDC NTT Cơ bản					Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	6,75	13,5	Không	Long An	Áp Nhơn Hòa 1, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An			
12	THCS 32	Nguyễn Thị Thúy An	30/8/1990	x	CD	Tiếng Anh	Trường CĐ Bến Tre	Chính quy	Khá	Anh B2	A					Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Bình Hòa	7,36	14,56	Không	Bến Tre	Tổ 7, Ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Cù Chi, TP Hồ Chí Minh			

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học													
					Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
13	THCS 37	Tạ Thị Hà	26/7/1992	x	DH	Sư phạm Toán học	DH Quy Nhơn	Chính quy	Khá	Anh Bậc 3 (B1)	A			Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	7,07	14,14	Không	Bình Định	Kim Sơn, Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định.					
14	THCS 46	Phạm Thị Hồng Lệ Thu	14/10/1995	X	DH	Sư phạm Toán học	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	7,68	15,36	Không	Xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, Quảng Nam	1886/16 Huyện Tân Phát, xã Phú Xuân, Nhà Bè, Tp Hồ Chí Minh					
15	THCS 53	Lê Thị Nhung	26/03/1992	X	DH	Sư phạm Sư -Địa	Đại học Tây Bắc	Chính quy	Giỏi	Anh B	B			Giáo viên Sư	Trường THCS Bình Hòa	8,17	16,34	Không	Quý Lộc, Yên Định, Thanh Hóa	740A Tỉnh lộ 8, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi					
16	THCS 54	Đoàn Thị Mỹ Duyên	07/03/1995	X	DH	Sư phạm Địa lý	Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh Bậc 3 (B1)	UDC NTT nâng cao			Giáo viên Địa	Trường THCS Bình Hòa	7,33	14,66	Không	Quảng Ngãi	92 Huyện Minh Mương, tổ 4 ấp 3b xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi					

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quốc gia	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Tin học	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ khác													
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo				Xếp loại tốt nghiệp												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
17	THCS 58	Trịnh Hồng Thủy	30/11/1995	X	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá		A	Tiếng Trung A	X	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Bình Hòa	7,31	14,62	Không	Minh Tiến, Phú Cừ, Hưng Yên	44/5B Đặng Phúc Vĩnh, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn				
18	THCS 59	Cao Thị Ngọc	10/07/1995	X	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Đại học Vinh	Chính quy	Khá	Anh Bậc 3 (B1)	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Sử	Trường THCS Bình Hòa	7,69	15,38	Không	Xã Khai Sơn, huyện An Sơn, Tỉnh Nghệ An	Đội 2/9 xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An				
19	THCS 63	Lương Thị Duyệt	04/03/1994	X	ĐH	Sư phạm Toán học	Đại học Hà Tĩnh	Chính quy	Khá	Toeic 410	B			Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	7,12	14,24	Không	Xóm Phú Thọ, xã Tùng Lộc, Huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	Áp 4, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai				
20	THCS 76	Hà Anh Quốc	30/09/1995		ĐH	Sư phạm Toán học	ĐH Sư phạm - ĐH Huế	Chính quy	Giỏi	Anh B1	B			Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	8,17	16,34	Không	Quảng Bình	Thôn Vĩnh Tuy, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Vị trí việc làm đăng ký dự				Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Đơn vị													
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo					Xếp loại tốt nghiệp	Tên VTVL	Đơn vị											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
21	THCS-81	Quản Thị Minh Lâm	14/07/1992	x	Thạc sĩ	Toán giải tích	DH Vinh			Anh B1	UDC NTT Cơ bản		x	Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	7,38	14,76	Không		Thái Bình	Xóm 5, Phúc Thành, Vũ Thư, Thái Bình				
22	THCS-111	Nguyễn Văn Nhân	20/06/1995		DH	Sư phạm Địa lý	Trường Đại học Sư phạm Huế	Chính quy	Khá	B1	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Địa lý	Trường THCS Bình Hòa	7,24	14,48	Không		Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xã Đông Thành, huyện Hóc Môn				
23	THCS-120	Nguyễn Thị Kim Yên	02/10/1995	X	DH	Sư phạm Toán học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	6,91	13,82	Không		Thừa Thiên Huế	872/56/11 A Quang Trung, phường 8, quận Gò Vấp, í thành phố Hồ Chí Minh				
24	THCS-121	Khương Văn Lực	27/02/1990		CD	Sư phạm Lịch sử	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Giỏi	Anh B	A			Giáo viên Sử	Trường THCS Bình Hòa	8,01	16,02	Không		Quang Trung, Kinh Môn, Hải Dương	Tổ 5, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn					Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ chỉ NVSP	Tên VTVL	Đơn vị										
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
25	THCS 127	Tăng Xuân Sơn	21/05/1993		ĐH	Sư phạm Toán học	Trường ĐH Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	7,05	14,1	Không	Thành Phố Hồ Chí Minh	521/8A T428 phường Thới An, Quận 12, tp Hồ Chí Minh				
26	THCS 133	Đoàn Thanh Nam	20/01/1990		CD	Sư phạm Toán	Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	Chính quy	Trung bình	Anh B	Sơ cấp Nghệ Tin học văn phòng B			Giáo viên Toán	Trường THCS Bình Hòa	6,2	12,4	Không	Triệu Thuận, Triệu Phong, Quảng Trị	Áp Thanh Sơn 2B, Phước Tâm, huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu				
27	THCS 138	Nguyễn Thị Yến Nhi	17/06/1905	x	CD	Sư phạm tiếng Anh	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình - khá	CD	A	Bậc 2 tiếng Hán		giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Bình Hòa	6,68	13,36	Không	Xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương				
28	THCS 21	Hoa Tuyết Nhi	17/9/1997	x	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	ĐH Thủ Dầu Một - Bình Dương	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên Toán	Trường THCS Hòa Phú	6,88	13,76	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 8, Ấp 3 xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.				

TRƯỜNG THPT HUỖNG

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú							
					Chuyên môn			Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Tên VTVL	Đơn vị														
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo																	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Tên VTVL	Đơn vị
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23								
29	THCS-28	Lê Thị Thanh Hải	20/10/1988	x	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	ĐH Thủ Dầu Một - Bình Dương	Chính quy	Khá	Anh - B	UDC NTT nâng cao			Giáo viên Văn	Trường THCS Hòa Phú	7,63	15,26	Không	Hà Tĩnh	Tổ 43, Khu 6, Phường Hiệp An, Tp Thủ Dầu Một, Bình Dương.										
30	THCS-74	Vũ Thị Nhân	27/9/1988	x	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	ĐH Sư phạm Hà Nội	Chính quy	Khá	Anh B1	B			Giáo viên Văn	Trường THCS Hòa Phú	7,18	6,5	13,68	Không	Ninh Bình	Thôn Tín Đôn, xã Liêm Trúc, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam									
31	THCS-77	Nguyễn Thanh Nhã	11/02/1994		Cử nhân	Huấn luyện Thể thao	ĐH TDTT TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản		X	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Hòa Phú	7,09	14,18	Không	Đồng Tháp	Tổ 3, Ấp An Phú, xã An Nhon, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp										
32	THCS-143	Hoàng Thị Xuân Thanh	20/11/1994	x	ĐH	Sư phạm toán học	Trường Đại học Tây Nguyên	Chính quy	Khá	Anh B1	B			Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hòa Phú	7,83	15,66	Không	Ấp 4A, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi	Ấp 4A, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi										

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác													
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
33	THCS 69	Nguyễn Kim Phương	18/5/1994	x	Cử nhân	Sư phạm Toán học	ĐH Cần Thơ	Chính quy	Xuất sắc	Anh B1	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	9,3	18,6	Không	Sóc Trăng	2G, KDC Trần Hưng Đạo, Khóm 2, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.				
34	THCS 140	Nguyễn Hoài Vũ	29/04/1994		ĐH	Sư phạm Toán học	Trường Đại học Đồng Tháp	Chính quy	Khá	Anh B1	B			Giáo viên môn Toán	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	7,57	15,14	Không	Xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, xã Long An	Xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, xã Long An				
35	THCS 98	Nguyễn Thị Dung	10/03/1996	x	CĐ	Sư phạm Sinh học	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Khá	A2	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Sinh học	Trường THCS Phạm Văn Cội	7,42	14,84	Không	Áp 1, xã Phạm Văn Cội, huyện Cù Chi	Áp 1, xã Phạm Văn Cội, huyện Cù Chi				
36	THCS 104	Lê Châu Sang	06/01/1996	x	CĐ	Sư phạm tiếng Anh	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình - khá	B1	B	tiếng Hán (bậc 1)		Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Văn Cội	6,88	13,76	Không	Áp Cây Trâm, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	Áp Cây Trâm, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ						Vị trí việc làm đăng ký dự				Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú		
					Chuyên môn			Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tín học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP								Tên VTVL	Đơn vị
					Chuyên ngành																		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
37	THCS 17	Nguyễn Văn Hiếu	18/09/1973		DH	Ngôn ngữ Anh	Trường Đại học Bình Dương	Vừa làm vừa học	Khá	DH	UDC NTTC B	Tiếng Nhật A	X	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Phú Hòa Đông	7,89	15,78	Không		Ấp Phú Trung, xã Phú Hòa Đông	Ấp Phú Trung, xã Phú Hòa Đông		
38	THCS 97	Nguyễn Thị Trang	20/04/1995	x	DH	Sư phạm tiếng Anh	Trường Đại học Vinh	Chính quy	Khá	DH	UDC NTT cơ bản	Pháp (bậc 3)		Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Phú Hòa Đông	7,16	14,32	Không		Xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An		
39	THCS 122	Hồ Thị Hoài Thu	10/11/1997	X	CD	Sư phạm Tiếng Anh	Trường CD Sư phạm Trung ương thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh bậc 4/6 (B2)	UDC NTT cơ bản	Tiếng Pháp B		Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Phú Hòa Đông	6,82	13,64	Không		Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	353/10A Phú An, Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi		
40	THCS 116	Trần Nguyễn Cẩm Tú	08/12/1983	X	DH	Ngôn ngữ Anh	Trường Đại học Sài Gòn	VHVL	Trung bình		B	Tiếng Pháp A	X	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Phú Hòa Đông	6,95	13,9	Không		Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	Số 3, đường Bến Cỏ, ấp Bến Cỏ, Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi		

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác													
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo				Xếp loại tốt nghiệp												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
41	THCS-03	Nguyễn Văn Tiến Lân	01/09/1992		ĐH	Sư phạm Sinh học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT nâng cao			Giáo viên Sinh	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	6,73	13,46	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	1901 Tỉnh lộ 15 ấp Phú Lợi xã Phú Mỹ Hưng huyện Củ Chi				
42	THCS-132	Lê Thị Thanh Hằng	11/11/1995	X	CD	Sư phạm Sinh học	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	A			Giáo viên Sinh	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	6,45	12,9	Không	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	38/9 Nguyễn Văn Ngân, Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương				
43	THCS-01	Nguyễn Thị Hoa Siêm	23/03/1996	X	ĐH	Sư phạm Địa lý	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Địa	Trường THCS Phước Hiệp	7,11	14,22	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	139/11/đường Bến Đình ấp Xóm Bung, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tín học													
					Chuyên ngành	ĐH	Giáo dục thể chất																		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
44	THCS 08	Nguyễn Thanh Bình	28/06/1995		DH	Giáo dục thể chất	Trường Đại học TDĐT thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản		X	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Phước Thạnh	7,19		14,38	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	1054 Quốc lộ 22, ấp Mây Đàng xã Phước Thạnh huyện Củ Chi				
45	THCS 33	Phạm Hoàng Minh	13/6/1996		Cao đẳng	Giáo dục thể chất	ĐH Sư phạm TDĐT TP.HCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên Thể dục	Trường THCS Phước Thạnh	7,4	6,2	13,6	Không	Tây Ninh	Ấp Bình Thủy, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh				
46	THCS 65	Nguyễn Hữu Tinh	11/01/1996		DH	Giáo dục thể chất	Đại học Thể dục thể thao tp Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản		X	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Phước Thạnh	7,32		14,64	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Ấp Phước Lộc, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi				
47	THCS 135	Trương Thị Phượng Hằng	08/01/1993	X	DH	Toán- Tin chuyên ngành Sư phạm Toán	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	Chính quy	Khá	Anh B	B			Giáo viên Toán	Trường THCS Phước Thạnh	7,75		15,5	Không	Tổ 5, ấp Thuận Liên, xã Chánh, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	số 177, Ní Sư Huỳnh Liên, phường 10 quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Tin học	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ khác														
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo																	
											Xếp loại tốt nghiệp													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
48	THCS 145	Lê Đình Nguyên	22/06/1985		ĐH	Sư phạm Toán học	Trường Đại học sư phạm TPHCM	Vừa làm vừa học	giỏi	Anh A2	UDC NTT cơ bản			Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phước Thạnh	8,03	16,06	Không	Áp Trại Đền, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi	Áp Trại Đền, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi				
49	THCS 71	Đoàn Phước Hải	06/11/1994		Cử nhân	Huấn luyện Thể thao	ĐH TDTT TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản		x	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Phước Thạnh	7,38	14,76	Không	Thừa Thiên - Huế	15/19A đường số 6, Khu phố 1, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TPHCM				
50	THCS 23	Trịnh Thị Thủy Anh	16/02/1995	x	ĐH	Sư phạm Vật lý	ĐH Sư phạm Hà Nội 2	Chính quy	Khá	Anh Bậc 2 (B)	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên Lý	Trường THCS Phước Vĩnh An	7,67	15,34	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 2, Ấp 1, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.				
51	THCS 41	Nguyễn Anh Quốc Bảo	06/04/1997		CĐ	Sư phạm Vật lý	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Toeic 540	A			Giáo viên Lý	Trường THCS Phước Vĩnh An	7,62	15,24	Không	Xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh	224/12 ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự			Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đội tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tín học	Tên VTVL			Đơn vị									
					Chuyên ngành																					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
52	THCS 55	Nguyễn Thị Thanh	02/10/1995	X	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Trung bình		B	B-Tiếng Hoa	X	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Phước Vĩnh An	6,43		12,86	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	247/16 Hương lộ 2, ấp 3 Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi					
53	THCS 57	Ngô Nguyễn Minh Quân	26/09/1997		CD	Giáo dục thể chất	Đại học Sư phạm Thể dục thể thao tp Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên thể dục	Trường THCS Phước Vĩnh An	7,33	7,9	15,23	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	số 341C Quốc lộ 22, ấp Tân Thông Hội, huyện Củ Chi					
54	THCS 62	Nguyễn Thị Kim Ngân	21/10/1994	X	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá		A	Tiếng Hoa B		Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Phước Vĩnh An	8		16	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 30 đường Cây Bài, ấp 6, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi					
55	THCS 67	Trần Ai Diễm	25/12/1974	x	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Trường ĐH Huế	Tù xa	Trung bình khá		B	Tiếng Pháp - B		Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Phước Vĩnh An	6,99	6,5	13,49	Không	Kiên Giang	312 Tỉnh lộ 8, Khu phố 4, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi.					

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ chỉ NVSP	Ngoại ngữ khác	Đơn vị	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học														
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
56	THCS 75	Hoàng Minh Tấn	09/9/1987		Cử nhân	Sư phạm Địa lý	ĐH Sư phạm - ĐH Huế	VLVH	Khá	Anh B	B			Giáo viên Địa lý	Trường THCS Phước Vĩnh An	7,95	7,5	15,45	Không	Quảng Trị	Mỹ Chánh, Hải Chánh, Hải Lăng, Quảng Trị			
57	THCS 83	Nguyễn Ngọc Phương Vy	29/6/1994	x	ĐH	Ngôn ngữ Anh	ĐH Công nghệ TPHCM	Chính quy	Trung bình	Tiếng Nhật - B	B		x	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Phước Vĩnh An	6,23	12,46		Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 9, Khu phố 2, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, TPHCM			
58	THCS 85	Huỳnh Đại Phúc	17/10/1996		Cử nhân	Giáo dục thể chất	ĐH Sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B2	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên Thể dục	Trường THCS Phước Vĩnh An	7,68	15,36		Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 1, Khu phố 6, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, TPHCM			
59	THCS 94	Lâm Bích Tuyền	16/01/1996	x	ĐH	Sư phạm Vật lý	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phước Vĩnh An	7,91	15,82		Không	Áp Phú An, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	Áp Phú An, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi			

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đội tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Tên VTVL	Đơn vị												
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo						Xếp loại tốt nghiệp											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
60	THCS-95	Hoàng Thị Linh	08/10/1996	x	DH	Sư phạm Vật lý	Trường Đại học Vinh	Chính quy	Giỏi	Anh B1	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phước Vinh An	7,86		15,72	Không	Xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Áp Hậu, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi			
61	THCS-115	Đỗ Nguyễn Phúc	24/07/1995	X	CD	Tiếng Anh	Trường Cao đẳng kinh tế đối ngoại	Chính quy	Trung bình	Anh bậc 4/6 (B2)	UDC NTT nâng cao	Tiếng Pháp B	X	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Phước Vinh An	6,36		12,72	Không	Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	526,Tỉnh lộ 8 Tân An Hội, huyện Củ Chi			
62	THCS-144	Mai Thị Thanh Thủy	25/03/1995	x	CD	Sư phạm vật lý	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình - khá	Anh B2	A			Giáo viên Vật lý	Trường THCS Phước Vinh An	6,83		13,66	Không	Áp Xóm Chùa, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	Áp Xóm Chùa, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi			
63	THCS-04	Trương Ngọc Duy	21/02/1995	X	DH	Sư phạm Ngữ văn	Trường Đại học Cần Thơ	Chính quy	Giỏi	Anh A	A			Giáo viên Văn	Trường THCS Tân An Hội	8,18		16,36	Không	Long An	24 Phạm Thị Hối Tổ 6 Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi			
64	THCS-06	Lê Thanh Trà	22/09/1995	X	CD	Sư phạm Ngữ văn	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Văn	Trường THCS Tân An Hội	7,63		15,26	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ 4 ấp Hậu xã Tân An Hội, huyện Củ Chi			

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày/tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự			Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tín học	Ngoại ngữ khác														
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo				Xếp loại tốt nghiệp													
					6	7																			
65	THCS 20	Trần Thị Kim Nguyễn	05/09/1995	x	CD	sư phạm sinh học	Trường đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình - khá	A2	UDC NTTC B		Giáo viên môn Sinh	Trường THCS Tân An Hội	6,55	13,1	Không	Áp Bàu tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	Áp Bàu tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi						
66	THCS 34	Trần Thị Bích	13/3/1995	x	Cao đẳng	Sư phạm Lịch sử	ĐH Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A		Giáo viên Sử	Trường THCS Tân An Hội	7,2	14,4	Không	Hải Dương	Tổ 5A, Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.						
67	THCS 35	Phạm Thị Kiều Diễm	12/8/1995	x	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	ĐH Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A		Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân An Hội	7,4	14,8	Không	Tây Ninh	Áp Lộc Trát, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh						
68	THCS 40	Nguyễn Thị Lâm	07/08/1990	X	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Trường ĐH Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	A	Không	Giáo viên Văn	Trường THCS Tân An Hội	6,94	14,44	Không	Văn Lang, Hưng Hà, Thái Bình	66, Tỉnh lộ 8, ấp Tam Tân, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi						

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chức vụ	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên ngành	Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Tên VTVL	Đơn vị										
						Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
69	THCS-43	Hoàng Thị Tiến	18/04/1991	X	DH	Sư phạm Địa lý	Đại học Vinh	Chính quy	Khá	Anh B	B			Giáo viên Địa	Trường THCS Tân An Hội	7,48	14,96	Không	Nghi Hưng, Nghi Lộc, Nghệ An	Ấp Long Bình, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, Long An				
70	THCS-44	Nguyễn Kim Ngân	16/06/1995	X	DH	Sư phạm Hóa học	Trường Đại học Đồng Tháp	Chính quy	Khá	Anh UDC Bắc 3 NTT cơ bản (B1)				Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân An Hội	7,48	14,96	Không	Hòa Khánh Đông, Đức Hòa, Long An	603 ấp Bình Thủy, xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
71	THCS-48	Lê Đức Anh	13/08/1994		DH	Giáo dục thể chất	Đại học Bình Dương	Chính quy	Khá	Anh B	B		X	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân An Hội	6,76	13,52	Không	Long An	22 Ấp Hậu Hòa, Đức Hòa, Long An				
72	THCS-49	Phạm Thị Thu Hiền	26/08/1996	X	CD	Sư phạm Địa lý	Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình khá	Tiếng Trung B	B			Giáo viên Địa	Trường THCS Tân An Hội	5,02	10,04	Không	Củ Chi - TPHCM	41/6A Đoàn Minh Triết, Bình Thạnh, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đang ký dự		Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Tin học	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ khác												
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo				Xếp loại tốt nghiệp											
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
73	THCS 52	Nguyễn Thị Nguyệt Quế	20/04/1995	X	ĐH	Sư phạm Sinh học	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Sinh	Trường THCS Tân An Hội	7,77	15,54	Không	Đức Hòa, Long An	Ô 4 khu A Thị trấn Hậu Nghĩa, Đức Hòa, Long An			
74	THCS 60	Huỳnh Thị Ngọc Luyến	06/02/1994	X	ĐH	Sư phạm Toán học	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Toán	Trường THCS Tân An Hội	7,8	15,6	Không	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 13 đường 418, ấp 4 xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi			
75	THCS 70	Trần Nguyễn Thị Mộng Huyền	18/9/1991	x	Cao đẳng	Sư phạm Hóa học	ĐH Đồng Tháp	Chính quy	Khá	Anh B	B			Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân An Hội	7,04	14,08	Không	Long An	Tổ 3, Ấp Tam Tân, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.			
76	THCS 79	Trần Thị Trinh	03/01/1997	x	CĐ	Sư phạm Lịch sử	ĐH Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên Sử	Trường THCS Tân An Hội	7,15	14,3	Không	Củ Chi - TPHCM	157 Tỉnh lộ 7, ấp Bình Hạ Tây, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, TPHCM			

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú	
					Chuyên ngành	Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự									
						Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp					Tên VTVL	Đơn vị								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
77	THCS 90	Trần Anh Đạt	01/5/1994		Cử nhân	Giáo dục thể chất	ĐH Sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	B	Không		Giáo viên Thử dạy	Trường THCS Tân An Hội	7,53	15,06	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 2, ấp Hậu, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TPHCM		
78	THCS 93	Cao Thị Kim Thoa	09/06/1995	x	ĐH	Văn học	Trường Đại học Văn Hiến	Chính quy	Khá	B1	UDC NTT		x	Giáo viên ngữ văn	Trường THCS Tân An Hội	6,77	13,54	Không	Ấp Chợ, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi	Ấp Chợ, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi		
79	THCS 102	Trần Quốc Khánh	25/10/1993		ĐH	Sư phạm hóa học	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	khá	B	A			Giáo viên môn Hóa	Trường THCS Tân An Hội	7,41	14,82	Không	Xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, Long An	Xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, Long An		
80	THCS 103	Nguyễn Vũ Như Lân	26/04/1987		ĐH	Sư phạm toán học	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy	Trung bình	Anh B	B			Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân An Hội	5,56	6	11,56	Không	Tây Sơn - Bình Định	Ấp 2, xã Tân Thanh Tây, huyện Củ Chi	
81	THCS 105	Đào Thị Thảo	30/12/1995	x	ĐH	Sư phạm sinh học	Trường Đại học sư phạm Đà Nẵng	Chính quy	giỏi	B	B			Giáo viên môn Sinh	Trường THCS Tân An Hội	8,13	16,26	Không	huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Khu phố 1, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi		

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ chỉ NVSP	Ngoại ngữ khác	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Tin học	Ngoại ngữ	Xếp loại tốt nghiệp															
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo																		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
82	THCS-106	Lê Nhật Thủy	28/06/1993	x	ĐH	Sư phạm hóa học	Trường Đại học sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	Toeic 370	UDC NTT cơ bản			Giáo viên hóa học	Trường THCS Tân An Hội	7,56	15,12	Không	Áp Xóm Huế, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	Áp Xóm Huế, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi					
83	THCS-125	Trịnh Thị Cẩm Hồng	13/02/1995	X	CD	Sư phạm Toán học	Trường CD Sư phạm Long An	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Toán	Trường THCS Tân An Hội	7,22	14,44	Không	Long Thạnh, Thủ Thừa, tỉnh Long An	Áp 2, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An					
84	THCS-130	Phan Thị Kim Phụng	27/03/1994	X	ĐH	Giáo dục thể chất	Trường ĐH Thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân An Hội	7,42	14,84	Con TB hạng 3/4	Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	5/1 đường 693 ấp Bình Thượng 1, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi					
85	THCS-131	Trần Kế Tâm	08/10/1990		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Trường ĐH An Giang	Chính quy	Khá	Anh A2	A			Giáo viên Văn	Trường THCS Tân An Hội	6,93	13,86	Không	Xã Vĩnh Thạnh, Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	Áp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang					



STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đội tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Đơn vị												
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
86	THCS 141	Võ Anh Kiệt	01/09/1994		CD	Sư phạm Hóa học	Trường Đại học Đồng Tháp	Chính quy	Trung bình	A2	UDC NTT cơ bản			giáo viên môn Hóa	Trường THCS Tân An Hội	6,56	13,12	Không	Xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
87	THCS 10	Ngô Mẫn Thuận	15/03/1990		CD	Tin học ứng dụng	Trường Cao đẳng Điện lực Miền trung	Chính quy	Trung bình	Anh B			X	Giáo viên Tin học	Trường THCS Tân Phú Trung	5,79	6	11,79	Không	Quảng Nam	01 Nhứt Tiến Hiên, Tổ 3 Khu phố 4 Thị trấn Củ Chi huyện Củ Chi			
88	THCS 11	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	19/10/1992	X	DH	Vật lý học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	B		X	Giáo viên Lý	Trường THCS Tân Phú Trung	7,52	15,04	Không	Bà Rịa - Vũng Tàu	C18/3A ấp 3 xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh				
89	THCS 25	Vũ Thị Cẩm Nga	04/10/1993	x	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	DH Sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	B			Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân Phú Trung	7,47	14,94	Không	Hà Nam Ninh	Tổ 93, K10, Phường Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, Bình Dương.				

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự			Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn					Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Tên VTVL	Đơn vị											
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Chứng chỉ chỉ NVSP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
90	THCS-36	Lê Thanh Hải	24/7/1994		ĐH	Sư phạm Sinh học	ĐH Thái Nguyên	Chính quy	Trung bình	Anh B	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên Sinh	Trường THCS Tân Phú Trung	6,26	12,52	Không	Thanh Hóa	Áp 3, xã Đông Thanh, huyện Hóc Môn, TPHCM					
91	THCS-38	Nguyễn Ngọc Châu	16/09/1996	X	ĐH	Sư phạm Hóa học	ĐH Sài Gòn	Chính quy	Giỏi	Anh B	A			Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân Phú Trung	8,62	17,24	Không	Quảng Nam	93C Dương Công Khi, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh					
92	THCS-64	Nguyễn Như Hoài Linh	25/09/1996	X	ĐH	Sư phạm Toán học	Đại học Tây Bắc	Chính quy	Giỏi	Anh C	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Phú Trung	8,05	16,1	Không	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội					

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chức chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Điểm tương đương	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Đơn vị	Điểm tốt nghiệp												
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo						Xếp loại tốt nghiệp											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
93	THCS 68	Thị Thi Ngọc Ánh	09/01/1994	x	Cao đẳng	Sư phạm Tin học	CD Sư phạm Long An	Chính quy	Trung bình khá	Anh B					Giáo viên Tin học	Trường THCS Tân Phú Trung	6,86	8	14,86	Không	Long An	Ấp Thuận Hòa 2, xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An		
94	THCS 72	Trương Thị Ngọc Hiếu	03/3/1994	x	DH	Toán học	DH Khoa học tự nhiên - DH Quốc gia TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	B		X	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Phú Trung	7,23	7,23	7,23	Không	TPHCM	Ấp Xuân Thới Đông 3, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, TPHCM			
95	THCS 78	Nguyễn Tấn An	06/02/1985		Kỹ sư	Kỹ thuật Công nghiệp	DHSP Kỹ thuật TP HCM	Chính quy	Khá	Anh B1	B		X	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Tân Phú Trung	6,65	6,65	13,3	Không	Long An	Ấp 1, xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An			
96	THCS 92	Hà Văn Nam	26/03/1981		DH	Sư phạm Vật lý	Trường Đại học Sư phạm Huế	Chính quy	Trung bình - khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Phú Trung	6,46	8,25	14,71		Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Huyện Nhà Bè, TPHCM.			

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác													
					Chuyên ngành		Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo				Xếp loại tốt nghiệp												
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường																		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
97	THCS 100	Nguyễn Thị Thu Oanh	07/03/1988	x	ĐH	Sư phạm sinh học	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Trung bình	B	A			giáo viên môn Sinh	Trường THCS Tân Phú Trung	6,43	12,86			Áp Tân Định, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	Áp Tân Định, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi			
98	60	Lê Thị Hoài Liễu	12/08/1990	x	ĐH	Sư phạm vật lý	Trường Đại học sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên vật lý	Trường THCS Tân Phú Trung	6,89	13,78		Không	Áp Bến Dò 1, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi	Mộ Đức, Quảng Ngãi			
99	55	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	10/09/1994	x	ĐH	Sư phạm Vật lý	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Phú Trung	7,81	15,62		Không	Gia Nghĩa Đăk Nông	Gia Nghĩa - Đăk Nông			
100	THCS 134	Trần Thanh Tập	16/12/1992		ĐH	Công nghệ thông tin	Trường ĐH Sư phạm tp Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá					Giáo viên Tin học	Trường THCS Tân Phú Trung	6,86	13,72		Không	Xã Phương Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	86/14 Ông Ích Khiêm, phường 14 quận 11, thành phố Hồ Chí Minh			
101	THCS 137	Nguyễn Thị Hà Trang	15/11/1985	x	CD	Mỹ thuật - giáo dục công dân	Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh	Chính quy	Trung bình - khá	Anh B	A			Giáo viên mỹ thuật	Trường THCS Tân Phú Trung	6,8	13,05		Không	Xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Áp Cây Da, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi			



STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự			Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học																
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																		
											Tên VTVL	Đơn vị														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
102	THCS-117	Đinh Lê Mai Phương	11/10/1988	X	DH	Sư phạm sinh học	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Trung bình khá	Anh B cảm kết	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Sinh	Trường THCS Tân Phú Trung	6,57	6	12,57	Không	Xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	244 Quốc lộ 22, ấp Đình, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi					
103	THCS-09	Bao Ngọc Quốc	04/09/1995		DH	Sư phạm Địa lý	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Địa	Trường THCS Tân Thạnh Đông	7,52	15,04	Không	Đà Nẵng	10/2 Cao Thị Đào, ấp 1 xã Hòa Phú, huyện Củ Chi						
104	THCS-14	Lê Quốc Tuấn	11/05/1995		DH	Giáo dục chính trị	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Tân Thạnh Đông	7,18	14,36	Không	Tỉnh Thừa Thiên Huế	190/11 đường 26 ấp Trung xã Tân Thông Hội huyện Củ Chi						
105	THCS-29	Nguyễn Thị Thùy Trang	25/11/1997	x	Cao đẳng	Giáo dục công dân	CD Sư phạm Trung Ương TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Tân Thạnh Đông	7,36	14,72	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 1, Ấp 3B, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.						

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ khác	Vị trí việc làm đăng ký dự		Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ													
					Chuyên ngành		Xếp loại tốt nghiệp			Hệ đào tạo													
					Tốt nghiệp trường	Tên VTVL					Đơn vị												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
106	THCS 31	Nguyễn Thị Quế Chi	30/8/1994	x	Cao đẳng	Giáo dục công dân	CD Sư phạm Trung Ương TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	A	Không		Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Tân Thạnh Đông	7,4	14,8	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 4, Ấp 6A, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.			
107	THCS 50	Lê Võ Anh Hào	26/07/1995		CD	Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Trung bình	Anh B	A			Giáo viên KTCN	Trường THCS Tân Thạnh Đông	6,33	12,66	Không	Củ Chi - TPHCM	35 đường 114 tổ 12 ấp 8 xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi			
108	THCS 86	Huỳnh Thị Bích Trang	04/9/1995	x	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	ĐH Sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không		Giáo viên Địa lý	Trường THCS Tân Thạnh Đông	6,65	13,3	Không	TPHCM	Tổ 8, Ấp 3, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.			
109	THCS 129	Nguyễn Như Tây	18/12/1992		ĐH	Giáo dục chính trị	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế	Chính quy	Khá	Anh B	B			Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Tân Thạnh Đông	7,91	15,82	Con TB hạng 4/4	Phong Hòa, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	187/12 Hương lộ 2, tổ 3 xã Phước Vĩnh An, Củ Chi			

THCS 129 QU

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đội tương đương	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học													
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo						Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ			Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
110	THCS 05	Lê Thị Quỳnh Như	23/10/1996	X	CD	Sư phạm Toán học	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình khá	Anh A2	A			Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Thông Hội	6,48	12,96	Không	Thành phố Hồ Chí Minh	156/47 ấp Phú Hiệp xã Phú Hòa Đông huyện Củ Chi					
111	THCS 13	Đoàn Thị Hà	02/03/1993	X	Thạc sĩ	Hóa lý Hóa thuyết và Hóa lý	Đại học Quy Nhơn			Anh Bậc 3 (B1)	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân Thông Hội	7,89	15,78	Không	Hải Dương	815B Quang Trung, Thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai					
112	THCS 39	Phạm Hoàng Quốc	22/02/1991		DH	Sư phạm Hóa học	DH Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân Thông Hội	7,43	14,86	Không	Củ Chi - TPHCM	413, Nguyễn Thị Rành, ấp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi					
113	THCS 45	Trần Thị Ngọc Hà	07/09/1992	X	CD	Sư phạm Hóa học	Đại học Đồng Tháp	Chính quy	Khá	Toeic 265 (A1)	B			Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân Thông Hội	7,43	14,86	Không	Bến Lức, Long An	85/24/06A Lê Minh Nhựt, ấp Chánh, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi					

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự			Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn					Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác													
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp																	
114	THCS-Liêu Tuệ 51	Liêu Tuệ Minh	10/12/1996	X	ĐH	Sư phạm Toán học	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Thông Hội	7,46	14,92	Không	Củ Chi - TPHCM	4/7 Đường 94 ấp Bến Đò 1, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi					
115	THCS-Ngô Thị Huệ 56	Ngô Thị Huệ	15/07/1989	X	ĐH	Sư phạm Toán học	Đại học Sư phạm - Đại học Huế	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Thông Hội	7,68	16,18	Không	Cẩm Nhượng, Cẩm Nhượng, Huyện, Hà Tĩnh	Thôn Xuân Bắc, Cẩm Nhượng, Huyện, Hà Tĩnh					
116	THCS-Đặng Thị Thùy 61	Đặng Thị Thùy	02/12/1990	X	ĐH	Sư phạm Toán học	Đại học Sư phạm - Đại học Huế	Chính quy	Khá	Anh C	A			Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Thông Hội	7,46	14,92	Không	Quảng An, Quảng An, Huyện, Thu Điện, Củ Chi, huyện Củ Chi	20 Huỳnh Văn Cọ, tổ 2, Khu phố 6 Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi					
117	THCS-Trần Thị Huệ 73	Trần Thị Huệ	26/12/1990	x	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	ĐH Vinh	Chính quy	Khá	Anh B1	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân Thông Hội	7,74	7,74	Con TB hạng 4/4	Ninh Bình	Khánh Lộc, Khánh Bình, Tân Uyên, Bình Dương					

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ							Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đội tuyển ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Tên VTVL	Đơn vị											
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo							Xếp loại tốt nghiệp								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
118	THCS-Đỗ Thị 88	Thu Hoa	21/11/1995	x	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	DH Quy Nhơn	Chính quy	Giỏi	Anh B	B			Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân Thông Hội	8,23	16,46	Không	Quảng Ngãi	Xóm 8, thôn Thọ Lộc Đông, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi		
119	THCS- 89	Nguyễn Huỳnh Hoàng Cẩm	27/02/1996	x	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	DH Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT Cơ bản	Không		Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Thông Hội	7,74	7,74	Không	Cù Chi - TPHCM	Tổ 9, ấp 5, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, TPHCM		
120	THCS- 91	Ngô Thị Tiên	25/06/1992	x	DH	Sư phạm Toán học	Trường Đại học Quảng Nam	Chính quy	Khá	Anh C	B			Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân Thông Hội	7,32	14,64	Không	Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi		
121	THCS- 101	Ngô Thị Hồng Sương	01/07/1995	x	DH	Sư phạm Hóa học	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	B	A			Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Thông Hội	7,44	14,88	Không	Ấp Tiên, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	Ấp Tiên, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi		

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ chỉ NVSP	Ngoại ngữ khác	Vị trí việc làm đăng ký dự				Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm đăng ký dự																
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp			Đơn vị																

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
122	51	Phan Thị Phương Trâm	04/04/1996	x	ĐH	Sư phạm hóa học	Trường Đại học Tây Nguyên	Chính quy	Khá	Anh B1	UDC NTT cơ bản			Giáo viên môn Hóa	Trường THCS Tân Thông Hội	7,82	15,64	Không	Xã Hương Xuân, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh		Đắk Lắk		
123	THCS-119	Lê Thị Nhung	30/04/1989	X	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Đại học Sư phạm - Đại học Huế	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Sử	Trường THCS Tân Thông Hội	7,47	8,25	15,72	Không	Xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa		Đường 27, số nhà 71 ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	
124	THCS-123	Trần Thị Việt Hà	02/09/1995	X	CD	Sư phạm Hóa học	Trường Cao đẳng Sư phạm Đa81k Lắk	Chính quy	Khá	Anh A2	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Hóa	Trường THCS Tân Thông Hội	7,3		14,6	Không	Phong Bình, Phong Điền, Thừa Thiên Huế		Thôn 3, Bình Minh, xã Bình Thuận, Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk lak	
125	THCS-126	Trương Bảo Châu	14/11/1993	X	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Sử	Trường THCS Tân Thông Hội	7,07		14,14	Không	Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh		Tổ 3, Ấp Bàu Cạp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương	Quốc gia	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Tên VTVL	Đơn vị										
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo							Xếp loại tốt nghiệp									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
126	THCS-136	Nguyễn Hùng Cường	05/12/1994		ĐH	Sư phạm hóa học	Trường Đại học Sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	B	A			giáo viên môn Hóa	Trường THCS Tân Thông Hội	7,34	14,68	Không		ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi	ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi		
127	THCS-80	Nguyễn Thế Vinh	28/09/1997		Cao đẳng	Sư phạm Địa lý	ĐH Thủ Dầu Một	Chính quy	Trung bình khá	Hoa B	UDC NTT Cơ bản			Giáo viên Địa lý	Trường THCS Thị trấn	6,66	13,32	Không		Củ Chi - TPHCM	556, Khu phố 6, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, TPHCM		
128	THCS-07	Trần Thị Hồng Thắm	12/10/1997	X	CD	Sư phạm Hóa học	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Hóa	Trường THCS Thị trấn 2	7,63	15,26	Không		Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ 11 ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi		
129	THCS-47	Nguyễn Thị Liễu	10/09/1992	X	ĐH	Sư phạm Hóa học	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	Khá	a	B			Giáo viên Hóa	Trường THCS Thị trấn 2	7,65	15,3	Không		Phước An, Tuy Phước, Bình Định	18/29A Đỗ Nhuận, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, tp Hồ Chí Minh		

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ chỉ NVSP	Ngoại ngữ khác	Vi trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương ưu tiên	Quốc quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Vị trí việc làm đăng ký dự															
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo			Xếp loại tốt nghiệp	Đơn vị														
												Tên VTVL	Đơn vị												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
130	THCS-96	Nguyễn Thị Hà	04/06/1990	x	ĐH	Sư phạm Hóa học	Trường Đại học sư phạm Hà Nội	Chính quy	Khá	B	B			Giáo viên Hóa học	Trường THCS Thị trấn 2	7,85	15,7	Không	Xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Phường Đồng Tiến, Thành phố Hòa Bình					
131	THCS-112	Trần Đắc Hiền	12/09/1988		ĐH	Công nghệ thông tin	Trường Đại học khoan học tự nhiên	Chính quy	giỏi	Toeic 610	A			Nhân viên công nghệ thông tin	Trường THCS Thị trấn 2	8,3	16,6	Không	Áp 4, xã Phước Vĩnh An, huyện Cù Chi	Áp 4, xã Phước Vĩnh An, huyện Cù Chi					
132	THCS-128	Nguyễn Thị Nhiên	12/10/1989	X	ĐH	Sư phạm Hóa học	Trường Đại học Đồng Tháp	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	B			Giáo viên Hóa	Trường THCS Thị trấn 2	6,61	7,25	13,86	Không	Đức Huệ, Long An	128 Quốc lộ 13, Hiệp Bình Phước, Thủ Đức				
133	THCS-12	Trần Bảo Tuyền	31/08/1993	X	CD	Giáo dục công dân	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương thành phố Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Trung An	7,11	14,22	Không	Bà Rịa - Vũng Tàu	Thôn Đồng Tâm, xã Cù Bì huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu					

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Vị trí việc làm đăng ký dự				Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đổi tương đương	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Đơn vị													
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo							Xếp loại tốt nghiệp											
															Tên VTVL										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
134	THCS-19	Trần Thị Mỹ Linh	17/12/1996	x	CD	Giáo dục công dân	Trường cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	Chính quy	Khá	B	UDC NTTC B			Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Trung An	6,79	13,58	Không	Áp Bàu Trầu, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi	Áp Bàu Trầu, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi					
135	THCS-22	Phan Thị Thanh Tuyền	07/4/1996	x	DH	Sư phạm Tin học	DH Sư phạm TPHCM	Chính quy	Khá	Anh Bậc 4 (B2)				Giáo viên Tin học	Trường THCS Trung An	7,55	15,1	Không	Củ Chi - TPHCM	Tổ 5, Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.					
136	THCS-42	Phạm Diễm My	27/08/1992	X	DH	Giáo dục chính trị	Trường DH Sư phạm tp Hồ Chí Minh	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Trung An	7,09	14,18	Không	Tân Thanh Mỹ, tổ 22 Tây, Mỏ Cây Bắc, Bến Tre	59B đường Phú Mỹ, tổ 22 ấp Phú Hòa, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi					
137	THCS-66	Nguyễn Thị Lương	12/8/1989	x	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	DH Quy Nhơn	Chính quy	Trung bình khá	Anh B	B			Giáo viên Hóa	Trường THCS Trung An	6,67	6	12,67	Không	Nghệ An	131/4 Khu phố 3, phường Hiệp Thành, quận 12, TPHCM				

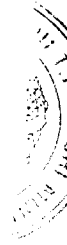
STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ khác	Vị trí việc làm đăng ký dự			Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Vị trí việc làm đăng ký dự															
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp			Đơn vị															
												Tên VTVL	Đơn vị													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
138	THCS 84	Hoàng Thị Mỹ	28/01/1994	x	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	ĐH Quảng Bình	Chính quy	Khá	Anh B	B			Giáo viên Hóa	Trường THCS Trung An	7,78	7,78	7,78	Không	Quảng Bình	398/2C, Tỉnh lộ 15, ấp Bến Cỏ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi.					
139	THCS 87	Nguyễn Thị Bảo Vân	10/07/1991	x	Cử nhân	GD chính trị - GD Quốc phòng	ĐH Sư phạm - ĐH Huế	Chính quy	Giỏi	Anh B	A			Giáo viên môn GD CD	Trường THCS Trung An	7,95	7,95	15,9	Không	Hà Tĩnh	Thôn 6, xã Đức Lập, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.					
140	THCS 109	Lê Nguyễn Hoàng Kha	11/12/1980		ĐH	Hóa học	Trường Đại học khoa học tự nhiên	Chính quy	Trung bình - khá	B1	A		x	Giáo viên môn Hóa	Trường THCS Trung An	6,11	12,22	12,22	Không	Phường Hiệp An, TP Thủ Dầu Một	Phường Hiệp An, TP Thủ Dầu Một					
141	THCS 114	Nguyễn Thị Thùy Dương	21/11/1994	X	CD	Giáo dục công dân	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Trung An	7,18	7,18	14,36	Không	Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	21, đường 618 ấp Mũi Cồn Đại, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi					

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự		Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đội tương ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn			Tin học	Ngoại ngữ																
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo			Xếp loại tốt nghiệp															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
142	THCS-139	Hà Ngọc Anh Thi	13/05/1994	x	CD	giáo dục công dân	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Trung bình	Anh B	A			Giáo viên môn giáo dục công dân	Trường THCS Trung An	6,74	13,48	Không	Không	Ấp 6, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi	Ấp 6, xã Tân Thành Đông, huyện Củ Chi				
143	THCS-113	Đoàn Phương Anh Thư	08/08/1995	x	CD	Sư phạm âm nhạc	Trường Cao đẳng sư phạm trung ương TPHCM	Vừa làm vừa học	khá	Anh B	UDC NTT cơ bản			Giáo viên Âm Nhạc	Trường THCS Trung Lập Hạ	7,29	7,8	15,09	Không	Ấp Trung Hòa, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi	Ấp Trung Hòa, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi				
144	THCS-142	Cao Lê Xuân Trang	19/09/1984	x	DH	Sư phạm âm nhạc	Trường Đại học Sài Gòn	Chính quy	Khá	Anh B	A			Giáo viên âm nhạc	Trường THCS Trung Lập Hạ	7	14	Không	Không	Ấp 5, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi	Ấp Xóm Chầu, xã An Phú, huyện Củ Chi				

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CỬ CHI NĂM HỌC 2018-2019
(Đơn vị Trực thuộc)

(Đính kèm Thông báo số: 15057/TB-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ										Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký			Điểm tốt nghiệp	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Quê quán	Địa chỉ	Ghi chú
					Chuyên môn					Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học												
					Chuyên ngành	Tốt nghiệp trường	Hệ đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học															
1	01	Nguyễn Thị Ngọc Lan	15/10/1985	X	ĐH	Ngành Luật học	Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Vừa làm vừa học	Trung bình - Khá	Anh B	B	Sơ cấp Văn thư lưu trữ	Nhân viên Văn thư	Trường Bồi dưỡng giáo dục	6,82	7	13,8		Áp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh	77A, đường 390, ấp Trảng Lắm, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi				



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 05

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIỆN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CỬ CHI NĂM HỌC 2018 - 2019

(Đính kèm Thông báo số: ~~15 054~~ TB-UBND ngày ~~23~~ tháng ~~11~~ năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Văn bằng, Chứng chỉ					Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ NVSP	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Địa chỉ	Lý do	Ghi chú
				Chuyên môn			Tin học								
				Chuyên ngành	Tốt nghệ trường	Ngoại ngữ									
								5			6	7			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	18	19	20
	1 Lý Yến Nhi	10/11/1994	X	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Trường ĐH Tôn Đức Thắng			Tiếng Trung xác nhận trình độ B	X	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	Số 499 ấp Phước Hòa, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi	Chưa đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi theo quy định của Kế hoạch 11286/KH- UBND ngày 10/9/2018	